

NAM XUÂN THỌ

VÕ
TRƯỜNG TOẢN

PHỤ

« GIA-ĐÌNH TAM GIA »

TRỊNH HOÀI ĐỨC

LÊ QUANG ĐỊNH — NGÔ NHÂN TỊNH



TỦ SÁCH

NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT

Cụ Võ Trường Toản người tỉnh Gia-định, huyện Bình-
đương.

Khi Tây-sơn đẩy binh, cụ ở ẩn dạy học. Nhiều danh-
thần triều Gia-long như Ngô tùng Châu, Trịnh hoài Đức,
Lê quang Định, Ngô nhân Tịnh đều là học-trò cụ. Hơn
nửa, chính cụ đã gây nên cái học-phong sĩ-khi cho những
thế-hệ sau tốt-đẹp.

Từ những học-trò đỗ cao, quan sang, cho đến những
người như Nguyễn đình Chiểu, Huỳnh mãn Đạt, Phan văn
Trị sở dĩ đã giữ tròn tiết-tháo cơn nước nhà bị xâm-lãng,
đều là người có chịu ảnh-hưởng của cụ.

Trong lúc chúa Nguyễn-phúc Ánh chống Tây-sơn,
khắc-phục được Gia-định rồi, thường triệu cụ Võ đến bàn-
luyện việc nước. Chúa Nguyễn muốn phong quan-tước cho
cụ, cụ nhất định chối-từ, chỉ chuyên đào-luyện tinh-thần
đoàn hậu-tấn. Chúa Nguyễn rất khen và tiếc không được
dùng tài cụ.

Năm nhâm-tí 1792, cụ mất tại làng Hòa-hưng (Gia-
định). Chúa Nguyễn truy tặng huy-hiệu « *Gia-định xử-sĩ
Sùng-đức Võ tiên-sinh* », lấy hiệu ấy khắc vào mộ chí, và
một đôi liễn truy điệu.

« Triều hữu huân danh bán thuộc Hà-phần
cụ học ;

« Đầu nam phong giáo, tề khâm Nhạc-lộ
đư uy.

Cụ Võ mất, không có con-cái chi cả, (1) nhưng mọi

(1) Thật sự thì cụ Võ Trường Toản có sinh hạ được một gái,
nhưng chẳng may mất sớm. Từ ấy về sau, vợ chồng cụ không con.

VÕ TRƯỜNG TOÀN

người đều mến-mộ ân-đức cụ, các học-trò đều tôn-kính cụ như cha. Cho đến về sau, khi Nguyễn Ánh lên ngôi, các vị thượng-thư trong sáu bộ cũng có đời liên truy-niệm :

« Sinh tiền giáo-huấn đặc nhân, vô tử như
hữu tử ;

« Một hậu thình danh tại thế, tuy vong đã
bất vong.

Nghĩa :

« Lúc sống dạy-dỗ được người, không con cũng
như có con ;

« Chết đi tiếng-tâm còn để, mất mà chẳng mất.

Cụ Võ phẩm người xuất chúng, cho nên cụ Phan-thanh Giản khi ngồi trấn đất miền nam, tưởng đến cái cao đức của người xưa, dầu không là học trò cụ Võ cũng kính cụ Võ như bậc sư-bá mà hết lòng tôn-trọng, sùng-bái. Và về sau, khi ba tỉnh miền đông (Biên-hòa, Gia-dịnh, Định-trường) thuộc Pháp, cụ Phan cũng không quên đến năm xương sót của cụ Võ. Ba tỉnh miền đông mất rồi, cụ Phan không muốn cho xương tàn của bậc sư-nho nằm trong phần đất bị xâm-lãng, cụ mời cùng với đốc-học tỉnh Vĩnh-long là Nguyễn Thông tổ với hiệp-trấn An-giang là Phạm hữu Chánh, giao cho tú-tài Võ gia Hội lo việc cải táng hài-cốt cụ Võ.

Đến ngày 28 tháng 10 năm Tự-đức thứ 18 (Ất-sửu 1865), năm xương tàn của cụ Võ được dời về chôn-cất lại ở làng Bảo-thạnh là quê-hương cụ Phan. Rồi hai năm sau, ngày 28 tháng 3 năm đinh-mão 1867, chính tay cụ Phan-thanh Giản soạn một bài văn bia, định khắc dựng ở mộ cụ Võ. Nhưng buổi bấy giờ tình-hình trong nước đã bị liên quân Pháp-Y làm rối quá nhiều, cho nên thợ khắc chưa rời thì đến tháng bảy năm này, vì thất luôn ba tỉnh phía tây mà cụ Phan có nhiệm-vụ giữ-gìn, phải ngậm-ngùi tử

VÕ TRƯỜNG TOÀN

tiết. (1) Thế là công-việc dựng bia cho cụ Võ bị ngưng trong một thời-gian.

Về sau, ông Trương ngọc Lang đứng ra lo việc mướn thợ khắc bia, đến rằm tháng tám năm nhâm-thân (1872) mới rồi. Và sợ người sau lầm-lẫn, ông Trương ngọc Lang còn cho khắc thêm mấy chữ « *Tiền nhâm-ti chí nhâm-thân cộng bát-thập-nhất niên* ». Nghĩa : Khi cụ Võ mất là năm nhâm-ti 1792 đến năm nhâm-thân 1872 mới dựng bia xong, cộng 81 năm (tính theo ta).

Bài văn bia ấy như sau :

VĂN BIA CỦA PHAN-THANH GIẢN
DỰNG Ở MỘ VÕ TRƯỜNG TOÀN

Bản dịch của Trúc Khê : (2)

« Tiên-sinh họ Võ, húy Trường Toàn. Tiên thế, hoặc nói là người Thanh-kê hạt Quảng-đức, hoặc nói là người làng Bình-dương hạt Gia-định, uyên-nguyên khó tường.

« Tiên-sinh học sâu, biết rộng, gặp đời loạn Tây-sơn, ở ẩn, dạy học-trò hàng mấy trăm người. Hạng học-trò cao thì như Ngô tùng Châu. Thứ đến Trịnh hoài Đức, Phạm ngọc Uân, Lê quang Định, Lê bá Phạm, Ngô nhân Tịnh v. v. Hạng danh-sĩ thì như Chiêu và Trúc đều là hai tay dật dân. Còn những người khác, không kể xiết. Các ông trên này gặp hội gió mây, làm bậc hiền-tá ở đời Trung-hung (chỉ triều Gia-long), đều có công-liệt rõ-ràng ở đời.

« Hồi vua Thế-tổ ngự ở Gia-định, tiên-sinh thường được vời vào hỏi chuyện.

« Lại nghe : tiên-sinh học rộng các kinh, và sở trường về bộ Tứ thư.

(1) Xin xem « *Phan-thanh Giản* » — nhà Tân Việt xuất-bản.

(2) Bản dịch này không có dịch một đoạn đầu khá dài. Xin xem bản của Ngọc Xuyên ở sau, đầy-đủ hơn. Sao-lục cả hai bản dịch, chúng tôi chú-ý bảo-tồn tài-liệu vậy.

VÕ TRƯỜNG TOÀN

« Dặt nhân Chiêu vốn người túc học, chỉ theo tiên-sinh mà nhận-lĩnh được cái nghĩa « tri ngôn, dưỡng khí ». Từng thấy trong sách tiên-sinh còn sót lại có nói : « Sách Đại-học một nghìn bảy trăm chữ, tan ra, vô số việc ; thu lại, chỉ hai trăm chữ ; lại thu nữa, chỉ một chữ ; lại thu hẳn lại, một chữ cũng không ». Ấy, cái học của tiên-sinh đã đến tận chỗ lớn-lao và tinh-vi là như vậy. Dầu đem cách học ấy mà đọc nghìn vạn kinh-sách cũng được lắm.

« Tiên-sinh không xuất chình, nên không được thấy sơ sự-nghiệp về chình-trị của tiên-sinh.

« Từ khi tiên-sinh đem cái học nghĩa-lý ra dạy người, chẳng những đương thời nung-đúc được nhiều nhân-tài, mà do sự truyền-thuật giảng-dụ mãi-giữa, đến giờ, dân lục tỉnh trung-ngĩa cảm phát, liêu chẳng tiếc mình, tuy vì thâm nhân hậu trạch của triều-đình cố kết lòng người, nhưng cũng há chẳng do công khai đạo của tiên-sinh từ xưa để lại mới được như thế ư ?

« Ngày 9, tháng 6, năm nhâm-ti (1792), tiên-sinh mất, vua rất thương cảm, ban hiệu là « Gia-định xử-sĩ Sùng-đức Võ tiên-sinh » để khắc vào bia ở mộ.

« Sau hồi đại định, các ông học-trò của tiên-sinh dần dần tan-tác, không ai biểu-dương.

« Năm Tự-đức thứ 5, hoàng-thượng sai dựng phùng đề tinh-biểu ở thôn Hòa-hưng, huyện Bình-dương.

« Bọn chúng tôi lại góp tiền lập đền và tậu ruộng để dâng vào việc cúng-tế.

« Gần đây, nhân binh biến, phùng đề và đền đều bị tàn-phá, thành ra miếng đất hoang-quạnh. Mồ cũ để lâu ở đó, cũng e không tiện, tôi nhân cùng bạn đồng quận là ông Nguyễn Thông, đốc-học Vĩnh-long, họp các thân-sĩ mưu thiên đi nơi khác. Chúng tôi thông báo với quan hiến-sứ An-giang là Phạm hữu Chánh cùng tỉnh Hà-tiên cũng đều đồng ý, bèn ủy bọn ông tú-tài Võ gia Hội họp với những

VÕ TRƯỜNG TOÀN

người đàn anh ở thôn Hòa-hưng kính khai huyết lên, đôi bả ván cũ, thay sang quan mới.

« Mọi người cử Nguyễn Thông làm chủ tang, tang phục theo lối trở thầy đời xưa.

« Chọn ngày 28 tháng 3 năm nay (đinh-mão 1867), rước di-hải tiên-sinh đem táng ở đồng thôn Bảo-thạnh, huyện Bảo-an.

« Đem bà Thục-thận nhụ-nhân hợp táng và người con gái để tòng táng.

« Ngồi đất này dựa vào gò cao và trông ra một vùng cây-cối, trước mặt rộng-rãi um-tùm, cảnh trí khá đẹp. Trước mộ mười trượng dựng đền, trước đền 7 trượng dựng phường.

« Công-việc này, các quan-liêu ở tỉnh, các chức phủ, huyện, giáo, huấn và các học-trò, cùng thân-sĩ hai tỉnh An, Hà, luôn với nhân-sĩ lưu ngụ ở ba tỉnh Gia-định đều dự cả.

« Cát táng xong, tâu xin tinh-biểu như cũ, lại xin mộ năm tên dân, một tên phu-trưởng coi việc canh-giữ, quét-tước.

Ngày 28 tháng 3 năm Tự-đức 20 (1867)
văn-sinh Phan-thanh Giản cần minh.

« Lại lập bài vị đề thờ ở Trụy-văn-Lâu. Nhưng khi đang thúc thợ khắc bài vị thì chợt gặp quan quân Lãng-sa kéo đến. Sau đến năm nhâm-thân (1872) mới lại thuê thợ trùng tu... ».

Bản dịch của Ngạc Xuyên Cư văn Thịnh :

« Đạo trời thành tuy là đồng, mà chỗ hiểu-biết của con người do điều thấy điều nghe có khác ; vậy nên người đời số dĩ lập-thành được công thật là khó vậy.

« Huống hồ mình sinh ra trong đời không gặp được bậc thánh, không thể gần được bậc hiền. Muốn biết chỗ

VÕ TRƯỜNG TOÀN

ần vi, xa rộng, được sáng-tỏ to-lớn như mặt nhật mặt nguyệt, như các sông ngòi, thật rất khó-khăn !

« Ôi ! Ngắm non Thái, chỉ mong đi tới đỉnh,
« Tróng Đầu nam, chân cổ nhón lên sao.

« Đối với nhà xử-sĩ Võ tiên-sinh ở Gia-định, trụ trụ một tấm lòng thành.

« Tiên-sinh tính Võ, húy Trường Toàn ; đời trước hoặc nói là người Thanh-kê (Quảng-đức), hoặc nói là người Bình-dương (Gia-định), trước thọ nghiệp cùng ai chưa hề rõ được. Chỉ biết sở học của tiên-sinh đã tới bậc dày-dặn đầy-dủ, chắc thật, có thuật-nghiệp thâm-uyên thông đạt. Xảy hồi loạn Tây-sơn, tiên-sinh ẩn-trú mở trường dạy học, thường học-trò tới mấy trăm. Ông Ngô Tùng Châu là môn sinh cao đệ nhất. Bậc thứ nhất là chú công Trịnh hoài Đức, Phạm ngọc Uẩn, Lê quang Định, Lê bá Phẩm, Ngô nhân Tịnh. Bậc danh-sĩ là ông Chiêu, ông Trúc, nhà ẩn-dật, ngoài ra không thể kể hết được. Các ông ấy đều gặp hồi phong vân, thời trung hưng triều Gia-long đứng vào bậc tới hiền, có người hoặc sát thân để làm nên điều nhân, hoặc quên mình để trọn tiết-nghĩa, thấy đều nên công-nghệ lớn trong đời.

« Lúc ngự vào Gia-định; đức Thế-tổ Cao hoàng-đế hăng triệu tiên-sinh tới ứng-đối. Lại nghe tiên-sinh học rộng khắp các kinh, và sở trường nhất một bộ Tứ thư. Ông Chiêu, nhà ẩn-dật là bậc túc học được theo tiên-sinh học thấu nghĩa « tri ngôn, dưỡng khí ». Từng thấy tiên-sinh đề trong sách-vở lời này : « Sách Đại-học một nghìn bảy trăm chữ, tan ra gồm vô số sự-vật, tóm lại còn hai trăm chữ, tóm nữa chỉ còn một chữ, lại tóm nữa thì một chữ cũng không ».

« Hay thay ! Sở học của tiên-sinh. Thật là rộng lớn mà tinh-vi vậy, dấu đọc bất cứ ngàn muôn kinh-sách nào cũng rõ nghĩa-lý được.

VÕ TRƯỜNG TOÀN

« Tiều-sinh không khứng ra làm quan, nên đại-khải không thấy được sự-nghiệp. Từ thuở tiên-sinh lấy lối học nghĩa-lý để giáo-hóa, chẳng những đương thời đào-tạo được nhiều bậc nhân-tài mà còn truyền-thuật, giảng-luận trau-giồi về sau, tới nay dân-gian trong sáu tỉnh Nam-kỳ, tổ lòng trung-nghĩa, cảm phát dám hy-sinh tới tinh-mạng, xét ra tuy nhờ đức thân-nhân của quân-vương nhuần-gội, cổ kết nhân-tâm, nhưng nếu không có công-dec mở-mang huấn-dục của tiên-sinh từ thuở trước thì làm sao có được nhân tâm như thế.

« Đến năm nhâm-tí 1792, ngày mồng 9 tháng 6, tiên-sinh ra người thiên cổ. Lòng vua cảm-mến tiếc-thương ân tứ hiệu « Gia-dịnh xử-sĩ Sùng-dec Võ tiên-sinh » để ghi vào mộ.

« Sau thời thái-bình, chư công môn-dệ của tiên-sinh tản-lạc xa xuôi, không thể nêu cao tài đức tiên-sinh được. Tới triều Tự-dec năm thứ 5 (1852), được chỉ vua ban chuẩn lập phượng đề tinh-biêu tại huyện Bình-dương, làng Hòa-hưng, bậc đồng-nhân lại lập đền thờ, hiến ruộng để phụng tự, mỗi năm xuân thu cúng-lễ.

« Gần đây, xảy ra việc binh-lửa, cảnh đền thờ hoang-phế, mộ phần lâu ngày hư-đổ dễ vấy bất tiện. Cùng với người đồng quận tiên-sinh là Nguyễn Thông, đốc-học tỉnh Vĩnh-long, chúng tôi hội các thân-sĩ mưu toan việc dời mộ. Gởi tờ thông tư cùng quan hiến-sứ tỉnh An-giang là Phạm hữu Chánh, tỉnh Hà-tiên cũng hiệp vào, liền ủy-thác cho bọn tú-tài Võ gia Hội, nhóm các thôn-mục làng Hòa-hưng, kính cẩn việc khai mộ, thấu liệm hài-cốt trong quan-quách mới. Cùng nhau thương-nghị nhờ quan học-sứ Nguyễn Thông đứng chủ tang ; đồ tang-phục thì chiếu theo lễ tế thầy xưa mà sắp-dặt. Việc tang-lễ làm xong, năm nay (đinh-mão 1867) chọn ngày 28 tháng 3 đưa di-hải an táng tại trên đất giồng làng Bảo-thạnh, huyện Bảo-an, lại táng luôn di-hải của đức nguyên-phối và của ấu-nữ.

VÔ TRƯỜNG TOÀN

« Mộ xây tại hướng đông-bắc ngó về tây-nam, dựa vào một gò cao ngó qua một đám cây vẹt, đối diện là khoảng trống vừa rộng vừa xa, trông ra u-tịch mà thanh-tú, rõ là quang-cảnh tốt-đẹp thật.

« Trước mộ mười trượng, có lập đền thờ ; trước đền bảy trượng có xây phượng. Đâu đấy đều an-bài cả. Tại tỉnh, trên các hạn đồng liêu, dưới phủ, huyện, huấn-giáo, sĩ-tử, có các thân-sĩ hai tỉnh An-giang Hà-tiên cùng với các sĩ-phu ba tỉnh vùng Gia-định lưu ngụ trong ba tỉnh này đều tham-dự vào lễ kiết táng.

« Việc an-táng vừa xong, chúng tôi tâu vua xin ghi tinh-biểu cũ, lại xin năm người dân giữ mộ, một người phu-trưởng, để lo việc giữ-gìn quét-trước.

« Chúng tôi lo sợ nổi lâu năm, thời buổi đổi-thay, sau này người không biết tới để chiêm-ngưỡng, nên kính cẩn thuật lại mọi điều và làm bài minh.

« Minh rằng :

« Than ôi ! Tốt thay vì tiên-sinh. Sở học kín-sáu, sở hành dày-dặn.

« (Bình sinh hăng) giấu kín chôn lấp trong thâm tâm « điều sáng-suốt, tài lỗi-lạc, tinh-anh.

« (Tiên-sinh khác nào như) một cái chuông to, tùy theo « sức người đánh, bỗng phát ra tiếng lớn.

« (Tiên-sinh yêu ta) dạy ta mới đạo rộng.

« Kẻ hậu giác (như ta) nhìn chân (ngưỡng trông) « (cái đạo) mà trọn đời ta giữ không thể lúng, ngắc mặt « trông không thấy hết.

« Càng già lại càng chắc chắn rõ-rệt.

« (Tiên-sinh) gần bậc ông Hà-phần (Vương Thông « nhà Tùy), ông Lộc-dộng (Châu Hy đời Tống), ta khổ « tâm mà trông cái đạo ấy.

« (Sở dĩ) Sùng-đức Vô tiên-sinh còn để cho đời những

VÕ TRƯỜNG TOẢN

« vinh-quang rực rỡ, vì tiên-sinh noi theo nhân-nghĩa đạo-
« đức, tước của trời ban cho.

Tự-đức năm thứ 20, đinh-mão (1867) tháng
3 ngày 28 — Kể văn-sinh Phan-thanh Giản
tấm gọi trước đề ghi bài minh.

« Lại lập bi-vị tiên-sinh thờ ở Tùy-ván-lâu (Văn-miếu ở Vĩnh-long), khiến thợ khắc bia. Gặp lúc quan-binh Lăng-sa vô tới, thợ khắc bỏ dở công việc. Tới năm giáp-thân (1872), kể từ năm nhâm-ti (1792) trước tới năm giáp-thân cộng chung là 81 năm, ngày rằm tháng tám, tôi mượn thợ trùng tu, làm cho bia còn lại mãi mãi.

Vĩnh-long, minh-hương Trương ngọc Lang
cần thừa lập.

. . .

Bài văn bia của Phan-thanh Giản biểu-dương công-đức của Võ Trường Toản thật là mở sử-liệu giúp ích cho chúng ta ngày nay hiểu-biết việc xưa rất nhiều. Sau đó, đóc-học Nguyễn Thông cũng viết thêm một bài sau mộ biểu Võ Trường Toản.

Dưới đây là bản dịch của Ngọc Xuyên Ca văn Thịnh :

VĂN BIA CỦA NGUYỄN THÔNG
DỰNG Ở MỘ VÕ TRƯỜNG TOẢN

« Từ Lương-khê Phan tiên-sinh tới cụ Sùng-đức Võ phu-tử khoảng thời-gian không mấy xa.

« Sở học của Phan tiên-sinh lấy chữ « thành » làm chủ đích ; trước hết, lấy việc trị tinh-tinh làm phương thiết thật.

« Thời gần đây, tuy các nhà nho chưa xem-xét tới sở học ấy, nhưng lời giảng-luận xưa kia, câu biên-chép còn sót lại của cụ Sùng-đức vẫn còn tiêm-nhiễm trĩu trĩu trong lòng. Sở học của Sùng-đức thật là thiết thật, thâm uyên, rất hiệp với tư-tưởng thánh-hiền xưa vậy.

« Lương-khê tiên-sinh soạn bài biểu đề mộ cụ Sùng-

VÕ TRƯỜNG TOẢN

đức ba tháng trước ngày tuần tiết. Đương hồi thiên-hạ gian-nan loạn-lạc, tiên-sinh lo việc tôn-sùng đức-nghiệp cụ Võ phu-tử. Nhờ bài biểu ấy mà đạo cụ Võ được suy tôn thêm và ý-nghĩa của thánh kinh càng thêm sáng tỏ.

« Người cầu học trong đời, một khi thể-nhận lời của Lương-khê tiên-sinh sẽ chăm lo việc chí tinh chí tính để đi đến chỗ sáng-suốt, tinh-thành kin-đạo của đạo học. Chừng ấy, người không còn lằm tục học, dị đoan đời đời lòng người, trái lại, được nhiều điều bổ-ích cho tâm-thần người lắm.

« Ở đời, việc thắng-bại, lợi-hại, con người đều có mạng, chớ cái mạch đạo vẫn trường-tồn với vũ-trụ.

« Kia đời xưa có người đương thời vẫn khuất thân mà đạo của họ vẫn lưu-hành hậu thế ; giữa triều-đình thì thấp-thỏi, không danh-vị, không được trọng-vọng, thế mà tự chốn nhà tranh cửa lá danh-tiết được trọng-vì như hàng « thi chúc » (thần thi, thần chúc), lâu đời càng sáng tỏ lời khen.

« Nay Phan tiên-sinh đã ra người thiên cổ mà bậc đồng đạo hoặc đi xa, hoặc quá vắng, nên tôi kính cần biên lại đây để duy-trì việc người trước, hầu sau chừ quân-tử có chỗ tra-khảo được.

Tự-đức năm nhâm - thìn (1868), trước
thanh-minh hai ngày, kẻ hậu học kính biên
Nguyễn Thông

Binh-sinh sở học của Võ trường Toản ra sao, mà được ngưỡng vọng đến thế ? Ngày nay chỉ thấy còn lưu-truyền một bài phú « HOÀI CỔ » (1) của cụ. Xem đấy, cũng đủ rõ lòng cụ chứa lai-láng đạo nghĩa thâm-trầm.

(1) Xem ở trang kế.

HOÀI CỔ PHÚ

1. — *Rỡ rờ cúc ba thu, ba thu lụn cúc đà tàn-héo ; Hây hây sen chín hạ, chín hạ qua sen cũng rã-rời.*

2. — *Cho hay vực thẳm nên cồn ; Khá biết gò cao hóa bề.*

3. — *Quán âm-dương rước khách xưa nay, đã mấy mươi năm ; Đò tạo-hóa đưa người qua lại, biết bao nhiêu chuyển.*

4. — *Nhấp-nháy ngọn đèn trong kiếng ; Lénh-đénh bóng nguyệt giòng sông.*

5. — *Đường Ngu (1) ấp tòn (2) rượu ba chung, đường say đường tỉnh ; Thang Võ (3) chinh tru (4) cờ một cuộc, thoát đặng thoát thua.*

6. — *Cửa có không nào khác khóm mây ; Người tan hiệp dường như bọt nước.*

7. — *Lánh non Thú (5) cam bề ngạ tử (6) hai con Cồ-*

(1) Vua Nghiêu họ Đào Đường. Vua Thuấn họ Hữu Ngu.

(2) Ấp tòn : Nhún-nhường có lễ-phép. Vua Đường Nghiêu nhường thiên-hạ cho Ngu Thuấn. Thiên-hạ xưng-tụng là đời « ấp tòn ».

(3) Vua Thành Thang đánh đuổi vua Kiệt nhà Hạ, mà gây-dựng nên nhà Thương (sau đổi là Ân). Vua Võ-vương đánh đuổi vua Trụ nhà Thương, dựng nên nhà Chu.

(4) Chinh tru : Đánh giết.

(5) Thú-dương.

(6) Ngạ tử : Chết đói.

VÔ TRƯỜNG TOÀN

trúc đã về đâu (1) ? Luyện linh-dan lo chước trường sinh, bốn lão Thương-san đã bắt đầu !

8. — Mộng tàn nửa gối, bướm Trang Chu giấc hỡi mơ màng ; Xuân lụn mấy canh, quỳn Thục-đế tiếng còn khắp-khởi.

9. — Tha-thiết bấy ! một gò hoàng-nhưỡng, (2) ngọc lấp hương chôn ; Áo-nã thay ! mấy cụm bạch vân (3), mưa sầu gió thấm.

10. — Ngựa trên ải một may một rủi ; (4) Hươu dưới Tần bên có bên không. (5)

11. — Hán Võ ngọc-đường (6), người ngọc nọ xưa đã theo gió ; Thạch Sùng kim-cốc (7), cửa-tiên xưa nay đã lấp sương.

12. — Lao xao cõi trần-ai, trường hoan-lạc gấm không mấy lúc ; Thảm-thoát cơn mộng-ảo, đoạn biệt-ly há dễ bao lâu.

13. — Nghìn năm hồn-phách Hán anh-hùng, hồn-phách mất người kia cũng mất ; Muốn dẫm nước non Đường thổ võ, nước non còn đời ấy đâu còn.

(1) Lá Di và Thúc Tề là hai người con của vua Cồ-trúc. can ngăn Võ-vương đừng đánh vua Trụ, không được, bèn bỏ lên ần ở núi Thú-dương đến chết đói, không ăn rau thóc nhà Chu.

(2) Hoàng-nhưỡng : Năm đất vàng. Nơi nghĩa-địa.

(3) Do câu sách Trang-tử : « Thừa bĩ bạch vân, chí vu đế hương. » Nghĩa : Cưỡi đám mây trắng kia, mà đến nơi thiên-đế ngự. Ý nói người chết.

(4) Lấy ý ở chuyện Tài-công mất ngựa. Sự họa-phúc biết đâu lường.

(5) Do câu sách : « Nhà Tần xông mắt con hươu, thiên-hạ đua nhau tranh ». Con hươu là nói về đất nước.

(6) Ngọc-đường : Nhà ngọc. Nơi sang cả.

(7) Thạch Sùng, người đời Tấn, giàu to có tiếng, lập ra vườn Kim-cốc làm chỗ mua vui.

VÕ TRƯỜNG TOÀN

14. — *Thương hỡi thương ! huyền quân (1) cung Tần, chìm làm lỗ tiếng kêu vắng vắng ; Tiếc ỹ tiếc ! y-quan (2) đời Tấn, biển nên cồn cỏ mọc xanh xanh.*

15. — *Cung Tùy xưa chìm nói liu-lo, mấy độ xuân về hoa sái lụy (3) ; Đài Ngô trước hươu nằm ngả-ngờn, đời ngàn sương ngọn cỏ đeo sầu.*

16. — *Ô-giang đêm thắm hé trắng mảnh, quanh-quê vó chùng họ Hạng (4) ; Cai-hạ ngày chiều hiu gió mát, phát-phơ ngọn cỏ nàng Ngu (5).*

17. — *Đài vắng Nghiêm Lăng, mấy khúc quanh-co sóng chảy tuyết ; (6) Thuyền không Phạm Lãi, năm hồ lai-láng nước ken mù. (7)*

18. — *Cho hay đời-đời ấy lẽ thường ; Mới biết thảo-ngay là nghĩa cả.*

19. — *Lụy rơi non Lịch, Đại Thuấn tình đời tình hai thân (8) ; Sương lọt áo bỏ, Tử Khiên lại trọn niềm một thảo. (9)*

(1) *Huyền quân* : Dây đàn và ống sáo. Âm-nhạc. Nhà Tần có tiếng là ăn-chơi đàn-điểm.

(2) *Y-quan* : Áo-mũ. Đời Tấn nước tiếng quan-lại áo mũ xuêh-xang.

(3) Chính chữ là *sái lệ* : Rỏ nước mắt như tưới.

(4) Hạng Võ bại binh, khi chạy đến Ô-giang thì bên mình chỉ còn có ngựa Ô-chùy.

(5) Thất trận Cai-hạ, Ngu-cơ, vợ Hạng-võ, tự vẫn chết, linh-hồn sau hóa ra thứ cỏ thơm gọi là Ngu mỹ-nhân thảo (cỏ nàng Ngu),

(6) Nghiêm Quang tự Tử-lãng, không mê danh-lợi, cáo quan về vui thú buông cẩu ở Đồng-giang.

(7) Phạm Lãi sau khi giúp vua Việt Câu-Tiến khôi-phục được đất nước, từ quan, rong chơi non nước.

(8) Vua Thuấn cày ở non Lịch, tình hiếu làm cảm-động được mẹ ghẻ và cha.

(9) Mẫn Tử Khiên bị mẹ ghẻ khắc-nghiệt, mùa rét chỉ cho mặc một manh áo mỏng, nhưng chẳng phiền hà.

VÕ TRƯỜNG TOÀN

20. — Tôn khóc mắng, Trường nằm giá, nần nần lo giữ đạo con (1); Tích dấu quýt, Cự chôn con, nầm nầm đua đèn nghĩa mẹ. (2)

21. — Trước đèn Trụ mổ gan một lăm, muôn kiếp còn danh để tạc bia (3); Dưới thành Ngô treo mắt đòi trông, nghìn năm hãy người đều nhộm gáy. (4)

22. — Tám-trăm dăm xông-pha ải bắc, thương họ Hàn chối chối lòng đan (5); Mười chín thu giữ một niêm tay, cảm ông Võ phơ phơ đầu bạc. (6)

23. — Cật Võ-mục nhuộm thanh bốn chữ (7), tám trung-thành đã thấu trời xanh; Áo Thiên-tường ghi đượm hai câu, phương tỵ nghĩa chi phai lòng đỏ. (8)

24. — Trời mỗn đất già danh hồi rạng, lụy non Nguu nghĩ cũng sụt-sùi; Biển khô đá rã tiết nào phai, sử họ Mã chép còn tỏ rõ (9) /.

(1) (2) Đều là những nhân-vật trong « Nhị-thập-tứ hiếu » Xin xem « Nhị-thập-tứ hiếu » của cụ Lý Văn Phức dịch, Cao Huy Giu chú giải, nhà Tân Việt xuất-bản.

(3) Vua Trụ đắm say Đắc Kỷ, khiến Tỉ Can tức giận tự mổ gan để cảnh-cáo vua.

(4) Ngũ Tử-tư can vua Ngô chẳng nên dùng Bá Hy. Vua Ngô không nghe, lại quá nghe gièm mà bức Ngũ Tử-tư phải chết. Họ Ngũ xin hãy móc đòi trông mắt mình mà treo ở cửa triều để coi lũ nịnh hoành-hành tàn-hại.

(5) Hàn Dũ đòi Đường chí quyết bài-bác đạo Phật, bị vua Đường Huyền-tông không nghe, đày ra Triều-dương.

(6) Tô Võ đòi Hán đi sứ Hung-nô, bị vua Hung-nô bắt giữ lại giao cho đi chẵn đê đến 19 năm.

(7) Nhạc Phi đượm bà mẹ ân-cần khuyên bảo và xăm trên lưng bốn chữ « Tinh trung báo quốc ».

(8) Văn Sơn tự Thiên-tường trung-nghĩa đến chết, ghi ở vạt áo hai câu để tự kích-thích mình phấn khởi xả sinh thủ nghĩa (chuộng nghĩa mà quên thân sống).

(9) Tư-mã Thiên viết bộ Sử-ký đượm đòi truyền-tụng.

PHỤ

« GIA-ĐỊNH TAM GIA »

TRỊNH HOÀI ĐỨC

LÊ QUANG ĐỊNH — NGÔ NHÂN TỊNH

TRỊNH HOÀI ĐỨC

ẤT - DẬU 1765 — ẤT - DẬU 1825

Trịnh hoài Đức còn có một tên nữa là An, tên chữ là Chi-sơn, hiệu Cấn-trai, vốn là dòng-dõi khoa-hoạn đời Minh ở Trung-quốc, quê ở Phúc-kiến.

Khi nhà Thanh dứt nhà Minh, buộc dân phải gióc tóc, ông nội của Trịnh là Hội không khứng, bỏ nước ra đi, sang xin làm dân chúa Nguyễn ở Phú-xuân (nhằm đời chúa Hiền Nguyễn-phúc Tần 1648 — 1687), rồi vào trong Nam ở đất Trấn-biên (Biên-hòa bây giờ).

Thân-sinh của Trịnh là Khánh, có tài viết chữ lớn và đánh cờ rất cao, nổi tiếng. Chúa Nguyễn-phúc Khoát (Võ-vương 1738 — 1765) nạp dụng cho làm An-dương cai-thu, sau đổi ra Quy-nhân, Quy-hóa làm chấp-canh tam trường cai-dội.

Khi cha mất, Trịnh mới 10 tuổi, mẹ dời về ở trấn Phan-an (Gia-định), cho học với Võ Trường Toản.

Năm mậu-thân 1788, khi chúa Nguyễn-phúc Ánh thâu-phục được Gia-định, Trịnh cùng với Lê quang Định và Ngô nhân Tịnh ra ứng cử, được bổ làm chế-cáo ở viện Hàn-lâm, rồi sung chức đồng-cung thị-giảng, theo đồng-cung Cảnh ra trấn thành Diên-khánh (Khánh-hòa).

TRỊNH HOÀI ĐỨC

Năm giáp-dần 1794, Trịnh được thăng Hữu-tham-tri bộ Hộ.

Tháng năm — năm tân-dậu 1801, ngày mồng 2, Nguyễn-phúc Ánh lên ngôi xưng đế-hiệu là Gia-long, lập sáu bộ thượng-thư, Trịnh được lãnh thượng-thư bộ Hộ, sung chức chánh-sứ sang nhà Thanh, cùng đi với hai vị phó-sứ là tham-tri bộ Binh, Ngô nhân Tịnh và tham-tri bộ Hình Hoàng ngọc Uẩn. Sứ-bộ đi trên hai chiếc thuyền hiệu Bạch-yến và Hoàng-hạc, đem quốc-thư cùng ấn-sách của Tây-sơn qua dâng vua Thanh ; lại giải luôn đám cướp biển là Đông-hải-vương Mạc quang Phù với thống-binh Lê văn Canh và Phan văn Tài.

Sứ-bộ đến Việt-dòng Hồ-môn-quan, tổng-đốc Lương Quảng báo với triều-đình. Vua Thanh truyền bảo sứ-bộ đi ngả Quảng-tây mà lên kinh. Kế nghe đoàn sứ-bộ do Lê quang Định làm trưởng đoàn đi cầu phong cũng sẽ qua tới, sứ-bộ Trịnh hoài Đức hường dẫn bèn lưu lại Quế-châu mà chờ, rồi hiệp nhau đi thuyền lên Hồ-bắc, Hán-dương, Hán-khâu, rồi lên bộ đi ngả Vạn-lý trường-thành, Cồ-bểc-khâu, Nhiệt-hà.

Sau khi vào triều-kiến vua Thanh Gia-khánh, hai đoàn sứ-bộ ta cùng nhau về nước. Ấn-sát Quảng-tây là Tề bố Sum phụng mạng vua Thanh sang tuyên phong, cũng cùng đi chung một chuyến ấy.

Lễ bang-giao xong, Trịnh lãnh chức-vụ ở bộ Hộ như cũ. Trịnh coi về phần thu, Nguyễn kỳ Kế coi về xuất.

Ất-sửu 1805, làm hiệp-hành Gia-định lưu trấn.

Mậu-thìn 1808, làm hiệp-trấn thành Gia-định.

Nhâm-thân 1812, về kinh dự lễ ninh lăng Hiếu-khương hoàng-hậu ; rồi tháng bảy năm này đổi làm thượng-thư bộ Lễ kiêm quản Khâm-thiên-giám.

Quý-dậu 1813, đổi làm thượng-thư bộ Lại.

Bính-ti 1816, trở vào Gia-định làm hiệp-tổng-trấn.

TRỊNH HOÀI ĐỨC

Canh-thìn 1820, quyền chức tổng-trấn thay cho Nguyễn văn Nhân về kinh. Rồi mùa hạ năm này, vua Minh-mạng mới lên ngôi lại vời Trịnh về kinh giữ bộ Lại như trước và sung chức phó tổng-tài ở Quốc-sứ-quản, thăng hiệp-biện đại-học-sĩ, lãnh thượng-thư bộ Lại kiêm bộ Binh.

Quý-vị 1823, mùa thu, Trịnh dâng sớ xin do đường bẽ về Gia-định nghỉ dưỡng bệnh. Vua sai Phạm đẳng Hưng đến ủy-lạo Trịnh và chỉ chuẩn cho nghỉ ba tháng. Mãn hạn, lại trở ra nhận chức.

Ất-dậu 1825, Trịnh mất, thọ 61 tuổi. Vua bãi triều ba ngày, truy tặng Trịnh là thiếu-phó Cần-chính-điện đại-học-sĩ, ban tên thụy là Văn-khác ; xuống chiếu xuất-tiền kho làm ma đưa về thành Gia-định an táng, và sai hoàng-thân Miên Hoảng thay mặt đi đưa.

Mộ Trịnh ở tại làng Bình-tước, tỉnh Biên-hòa.

Nhâm-ti 1852, bài vị được đem thờ ở miếu trung-hưng công-thần.

Mậu-ngọ 1858, được thờ ở đền Hiền-lương.

Trong nhà hội-quán Minh-hương Gia-thạnh ở Chợ-lớn cũng có thờ Trịnh và Ngô nhân Tịnh là người trong nhóm Sơn-hội.

Mậu-dần 1938, ngày 24-2, nghị-định toàn-quyền số 1189, cho trường Bác-cổ Hà-nội thừa nhận và trông coi mộ Trịnh.

Trịnh còn để lại đời :

1. — CẦN-TRAI THI-TẬP
2. — GIA-ĐỊNH THÔNG CHÍ
3. — BẮC-SỨ THI-TẬP
4. — LỊCH ĐẠI KÝ
5. — NGUYỄN KHANG
6. — KHANG TẾ LỤC
7. — GIA-ĐỊNH TAM GIA THI-TẬP

Nói đến thơ của Trịnh hoài Đức, chúng ta phải nghĩ

TRỊNH HOÀI ĐỨC

ngay đến bài thơ của Trịnh làm lúc từ-giã mẹ đi sứ nhà Thanh :

*Lia-hiệp thương nhau kẻ mấy lời,
Ân-tình ai cũng khéo phanh-phui.
Trăng lòa ả Bắc nhân (1) chinh bóng,
Thu quạnh trời Nam quạ đút mồi. (2)
Ngay-thảo tướng rồi sa nước mắt,
Cống-danh nghĩ lại mướt mồ-hôi.
Quân-thân (3) tuy cách lòng đâu cách,
Trợn đạo con là trợn đạo tôi.*

Nhất là mười-tám bài thơ của Trịnh làm khi về Trung-quốc vào châu vua Thanh, để rồi chạnh nghĩ phận mình vốn là con dân nhà Minh, thì tấm lòng bị nung-nấu kẻ sao cho xiết. Ngậm đắng nuốt cay, nổi nộ dương kia, Trịnh không sao ngăn được trào lòng mà phải thổ-lộ một vài. Trịnh đã bày-tỏ trạng-thái tâm-hồn mình bằng cách mượn thăm cảnh Chiêu-quân biệt Hán sang Hồ :

*Chi chi nghe đến tấm lòng xiêu,
Chập trời tỷ-bà oán hận nhiều.
Riêng trách chẳng vàng người vẽ tượng,
Tây than không bạc nịnh mua yêu.
Đất Hồ hoa ử mùi khôn lạt,
Trời Hán trăng tròn bóng xế theo.
Bao quân Ngọc-quan (4) tình mấy dăm,
Mưa sầu gió thảm thuở Ban Siêu (5).*

Đang tưởng nổi mình như cảnh Chiêu-quân, Trịnh vụt liên tưởng tới Ban Siêu, máu nóng bỗng sôi trào :

(1) Do chữ nhận chuyển ra nhân.

(2) Ý nói chạnh niềm hiếu-thảo.

(3) Vua và cha mẹ.

(4) và (5) Xin xem ở phần sau có sao-lục đủ cả 18 bài và chú-giải. Ở đoạn này chỉ trích-dẫn một ít để phân-tách tâm-trạng của Trịnh hoài Đức, hầu định luận.

TRỊNH HOÀI ĐỨC

*Ban Siêu bèn núi bóng cờ giờ,
Tuyết trái năm ba hãy đợi-chờ.
Lố dạng ác vàng lòng có Hàn,
Liếc coi tuyết bạc mắt không Hồ.
Chong sương một cán cờ ngay-thăng,
Chải gió năm canh dạ phất-phơ.
Vội hỏi xanh xanh kia biết chẳng,
Ngày nào về đặng nước nhà xưa ?*

Cấm-lức đến buột miệng hỏi trời : « Ngày nào về đặng nước nhà xưa ? » Nước nhà nào đây ? Nước Việt chăng ? Không lý mà phải hỏi ngó-ngần đến thế. Đi sứ rồi thì về, ai cấm-cản được. Thôi phải rồi ! Trịnh nhớ nước nhà xưa : nước nhà Minh kia. Thì ra lòng Trịnh vẫn không quên nước cũ. Rồi Trịnh lại tự thú rằng Trịnh đem thân sang ở Việt-nam, bao giờ cũng chỉ là nương-náu để chờ-đợi một ngày :

*Nước nhà xưa có phụ chi ai,
Cây vôi bao nhiêu kẻ cỡi ngoài.
Gắng sức đời non khoan nói tường,
Trái lòng nằng vạc mời rằng trai.
Nặng sương chưa đợi trời chung một,
Sông núi đứng cho đất rẽ hai.
Giúp việc Võ Thang ra sức đánh,
Người coi đề tiểng nhắc lâu-dài.*

Nghĩ đến sự đề tiểng nhắc lâu-dài, đề cho người coi bị kích-thích, bị khêu-gợi lòng, Trịnh ngậm-ngùi cõi mở hết lòng mình mà giải tỏ không giấu-giếm gì hết nữa :

*Lâu-dài mong trả nợ quân-thần,
Bao quân đường xa gánh nặng hoẵng.
Chớp lụy anh-hùng khi tách biệt,
Bày lòng trung-nghĩa đạo vi thần.
Con ve mời dứt hơi kêu hạ,
Cái võ mò canh tiếng khóc xuân.
Gió thấm mưa sâu đang dập-dã,*

Bút hoa mượn chép chuyện khùng-khăng.

. . .
*Khùng-khăng lại giận đũa lằng-nhăng,
Sấm tối mưa mai gấm chẳng bằng.
Bến nước mười-hai đũa chiếc lá,
Đất trời ba-bảy đọi con trăng.
Thương đây lại dặn đừng thương lằng,
Nhớ đó thôi thì chớ nhớ xằng.
Mối nợ sự duyên ai có hỏi,
Xưa nay cũng một tấm lòng chẳng ?*

. . .
*Tấm lòng chẳng phải phải phân-trần,
Ít nói là người dưỡng tánh chẳng.
Đã bện bó rơm làm đũa quý,
Lại trau cục đá tượng ông thần.
Dầu chưa dứt phứt iô gương mặt,
Sấn có cây da cây tấm thân.
Cũng muốn đem mình đi thế ấy,
Đem mình đi thế ấy bản-thần.*

Quá lắm rồi ! Thì ra Trịnh lúc nào cũng quay về nước cũ để toan-tính. Bện rơm làm quý, trau đá tượng thần, ít nói để dưỡng tính chân, đó đều là những hành-vi để Trịnh che-đậy chí-khi mình, chớ thật lòng ấy thì : *Gió thổi mưa sâu đang dập-dã*. Giận đũa lằng-nhăng cho đến sấm tối mưa mai cũng chẳng bằng sự giận ấy. Chỉ vì : *Đất trời ba-bảy đọi con trăng*. Nhưng hiềm nỗi : Mối nợ sự duyên « ai » có hỏi — « ai » đây có phải ám-chỉ nhân-vật Việt-nam ? —, thì thời ấy là trước hết nên lấy tình thật mà : *Tấm lòng chẳng phải phải phân-trần*.

Nghĩ cũng đáng thương cho tình-cảnh ấy !

Hướng chi :

*Bản-thần lại giận đũa xung-xăng,
Quán Sở lâu Tần đã mấy trăng.*

TRỊNH HOÀI ĐỨC

A ! Tôi câu này đây đã thấy rõ-rệt Trịnh than dài. Mới biết bấy lâu Trịnh ở Việt-nam, chỉ toàn gắng-gượng vui, chớ còn : « Mặc người mưa Sở gió Tần, Riêng mình nào biết có xuân là gì ! ». Bởi thế Trịnh mới hạ một câu thăm-thia như trên

*« Quán Sở lầu Tần đã mấy trăng »,
Phối phối mưa xuân hang dễ lấp,
Chang chang nắng hạ lửa đang hừng.
Thu trao thơ nhận lời no-ấm,
Đóng gập tin mai chuyện khó-khẩn.
Trời đất bốn phương non nước ấy,
Làm chi nên nổi việc lằng-nhặng.*

. . .

*Lằng-nhặng bữa dịp sự hoang-đàng,
Tiệc ngọc thuyền hoa bạn đãi-đăng.
Than phận lênh-đênh đào thờ-lợ,
Trách duyên lạt-lẻo-liều xây quàng.
Con trăng nhẩn bóng cây mai bạc,
Dì gió đưa duyên đóa cúc vàng.
Ơn đội chúa xuân cơn gập-gỡ,
Cây tiền chén rượu đáng mê-mang.*

. . .

*Mê-mang cho đến bụi là tiên,
Năm đầu năm bài giả dạng diên.
Vùi sẵn trước sân vài đóa cúc,
Lo chi trong đây một đồng tiền.
Lưu Linh vợ lạy khôn từ chén,
Lý Bạch vua kêu chẳng xuống thuyền.
Hầu muốn học đòi theo thế ấy,
Song le vì thế hãy chưa yên.*

. . .

*Chưa yên ta phải tính làm sao,
Cơm-áo ngồi không dễ dựng nào.*

*Phải mượn binh sương trừ giặc cỏ,
Lại đem trận gió phất cờ lau.
Đất yên cõi Việt rừng nho rậm,
Trời giúp nhà Ngủ biển thánh cao.
Mới biết tài non đền nợ nước,
Dám đâu nói chuyện ần nguồn đào.*

Dẫu Trịnh có lòng nào đi nữa — thân ở Việt-nam mà lòng chẳng quên Trung-quốc —, thì nội một câu : « *Đất yên cõi Việt rừng nho rậm* », cũng đủ chứng-tỏ dẫu sao Trịnh cũng có thành thật mến-yêu cõi đất Việt phần nào.

Chẳng những là một tài thơ lỗi-lạc trong nhóm Sơn-hội, một bậc đàn anh trong thi-xả Bình-dương, Trịnh hoài Đức còn là người lịch-lãm giang-hồ. Một bằng-chứng là trước khi ra phò chúa Nguyễn-phúc Ánh, Trịnh đã trải qua một thời tránh loạn, chìm-nổi đó đây, nên sự nghe-thấy, hiểu-biết được sâu rộng hơn người. Chính trong tập « *Cẩn-trai thối thực truy biên* » Trịnh đã viết :

Đào Châu quán trực ngũ hồ du

Và :

Thiên lý dao thừa Phạm Lãi chu

Nghĩa :

*Nghìn dặm từng rong thuyền Phạm Lãi,
Đào Châu chơi nhớn suốt năm hồ.*

Đào Châu tức là tên hiệu của Phạm Lãi đã đổi lại sau khi giúp vua Việt Câu-Tiền thành công rồi bỏ ra đi. Đọc hai câu trên đây, đủ rõ ít nhiều bản-lĩnh của Trịnh.

Trong năm quý-mão (1783), Trịnh làm một bài thơ đề là : « *Khách Cao-miền quốc kỳ hoài Diệp Minh-Phụng Kỳ-son* » :

*Tân-châu giải lãm hệ Phiên-thành,
Việt khách tương tư xúc xứ sinh.
Để Thích tự tiền hồ kế điệu,*

*Nam-vinh giang thượng mạch ca thính.
Đồng ngâm nhan sắc cô bông nguyệt,
Cổ quốc âm thư vạn lý trình.
Cực mục phong đào hành bất đắc,
Liên nhân thối phục giá cô minh.*

Ông Ngạc-xuyên dịch : **Làm khách nước Cao-miền
nhớ gọi bạn Kỳ-sơn Diệp Minh-Phụng :**

*Tân-châu mở đỏi, đậu Phiên-thành,
Khách Việt tương-tư xúc cảnh sinh.
Câu kệ rợ hồ chùa Để Thích,
Tiếng hò khách mạch đất Nam-vinh.
Thuyền côi, trăng đợi dung-quang bạn,
Nước cũ âm tin mấy dặm trình.
Mút mắt ba đào đi chẳng được,
Giá cô kêu gọi, gọi thâm tình.*

Trong bài trên đây, đã có câu « Nước cũ âm tin mấy dặm trình », rồi lại kết với câu « Giá cô kêu gọi gọi thâm tình ! », nước cũ rõ là Trịnh nhớ đến nhà Minh ở Trung-quốc — tổ-quốc của Trịnh tự thuở nào —, lòng nhớ nước bán-khoản cực độ. Huống chi, chúng ta đã biết rằng Trịnh có chán trong nhóm « Sơn-hội » (xin xem ở đoạn trước đã có nói rõ), Trịnh cùng các đồng-chi hằng nuôi cái ý phản Thanh phục Minh, thì lẽ cố-nhiên dầu đi đâu, ở đâu, lòng ấy vẫn hướng về « nước cũ » hơn. Tuy-nhiên, nhập-tịch dân Việt-nam, đáng khen-ngợi ở chỗ đã nhập-diệu được tinh-thần dân-tộc Việt, còn để lại cho non nước Việt những công-trình sáng-tác và khảo-cứu có giá-trị. Và Trịnh làm thơ nôm, ý-vị cũng chẳng kém gì nhà thơ Việt đâu nào.

Năm ất-tị 1785, Trịnh có bài :

*Hồ-hải đông lưu diên sử bốn,
Hồi loan kim ngọc được giang đồn.
Chế-lãng sơn thủy nhiều gèn chướng,
Gia-định hương quan nhập mộng hồn.*

Ông Ngạc-xuyên dịch :

*Biển Hồ cuộn-cuộn chảy sang đông,
Sóng vận sáu vàng cá nhẩy tung.
Non nước Chẽ-lăng (1) đầy chương khí,
Xóm làng Gia-định mộng hồn trong.*

Trịnh lại tự chú-thích rành-rot về Biển Hồ rằng :
« *Chân-lạp tây nam hữu hồ quảng đại, nhất vọng vô tế, tục danh Hồ-hải, thu thủy tây trú, đông tắc đông lưu, chi xuân càn lác, sở xuất liên-tử càn, lệ-ngư, vi lợi thậm phổ.* »
Nghĩa : *Phía tây-nam xứ Chân-lạp có hồ rộng lớn, một loạt trông ra không thấy bờ bến. Mùa thu nước chảy gom về phía tây, mùa đông lại chảy về phía đông ; sang xuân nước cạn, trong hồ có hạt sen khô, có cá tra, đó là mối lợi to khắp xứ.*

Xem thế, văn-chương của Trịnh chú-trọng về thực-tế, rất có ích cho chúng ta ngày nay lấy đó làm sử-liệu tra-cửu việc xưa.

Nhất là năm bình-ngọ (1786), Trịnh lại có bài đề là « *Ký hoài Hoàng ngọc Uân Hối-sơn Chân-lạp hành* », cung ứng sử-liệu cho người sau chẳng ít, và tỏ ra sự lịch-duyet phong-trần của Trịnh :

*Viên mai biểu bạch, cúc sru hoàng,
Phồn thép trần sinh thảo mộng mang.
Đắc lộ còn bằng nam tử hải,
Ly quần hồng nhận dạ mình sương.
Thạch-thành túy phỏng chung mai tích,
Kim-tháp nhàn bình bố hệ phương.
Lao ngã Võ-lầu tăng ý vọng,
Thế-mê lãnh thọ thủy thương mang.*

Ông Ngạc-xuyên dịch : **Ký gởi Hoàng ngọc Uân tự Hối-sơn, đi Chân-lạp :**

(1) Tên đất trong nước Chân-lạp.

Vườn mai phơi bạc, cúc khoe vàng,
Bụi đóng vạc Trần (1) giấc mộng hoang.
Rời biển còn bằng nam gặp hội,
Kêu sương hồng nhận tối chia đàn.
Thạch-thành hồi tích chón chuông cổ,
Kim-tháp bàn phương bước vải màn.
Tớ nhọc hăng trông lâu Võ-lượng (2).
Tit mù non núi, nước mênh-mang !

Trịnh tự chú-thích về « Thạch-thành » và « Kim-tháp » rất tỉ-mỉ.

Thạch-thành : « Cao-miên quốc tây-nam, hoang sơn trung Để Thích tự vi cổ phật tịnh hóa chỉ xứ ; hành nhất nhật trình chỉ nhất cổ thành, tương truyền vi cổ tây hung Đại Tần thành ; tự biển mang diệt, kỳ cung điện loan vu, giai bạch thạch điêu trác quang huynh tinh xảo. Đình thượng nhân hành văn như chung thính. Hoặc vân : Hạ hữu mai chung hư huyền co-giới, nhân tức lý thạch, tắc cơ động, chung minh vân. »

Nghĩa :

« Phía tây-nam nước Cao-miên, giữa rừng núi hoang vu, có chùa Để Thích, là nơi phật ngồi tịnh hóa thành. Từ đó, đi một ngày đường tới một thành cổ. Tương truyền là thành Đại Tần của Tây-nhung xưa. Biển chữ trong thành đều tiêu mất, nhưng cung-điện, bao-lơn toàn bằng đá trắng, chạm trổ rõ-ràng tinh-xảo. Người đi trên sân nghe như tiếng chuông. Tục-truyền : dưới nền có chón chuông, giữa

(1) Lấy điển Trần Phồn và Từ Trĩ đời Hậu Hán. Trần nhà nghèo, trong nhà có một bộ vạc tre, thường ngày rút dây treo lên, đợi Từ Trĩ tới mới hạ xuống cùng ngồi đàm đạo mà thôi.

(2) Đây ý nói nhớ thương bạn tri-kỷ, lên cao ngóng trông mỗi mắt. Có câu trong bài « Bạch vân phú » : « Dạ đặng Võ-lượng chỉ lâu, nguyệt minh thiên. Mộ nhập Lương vương chi uyển, tuyết mãn quần sơn ». Nghĩa : Đêm lên lầu Võ-lượng, trăng sáng nghĩa dậm. Chiều vào vườn Lương-vương, tuyết đầy đám núi.

khoảng trống có đặt máy, khi người bước chân lên đá, máy cử-động ắt chuông kêu. »

Về Kim-tháp, Trịnh chú-thích : *Nam-vinh đông ngạn hữu nhất cổ tháp, thượng khảm kim biểu, hiệu vi kim-tháp, diệc danh kim-đài. Tục truyền tại tích gián thủy, hữu pháp phiêu lưu, hồ tặng đề bố tuyền cứu điều, tác pháp hệ chi, bặt trú vu thử, kim thành phụ vân.*

Nghĩa :

« Bờ phía đông sông Nam-vang có một ngôi tháp xưa, trên có khảm một bầu vàng, hiệu là Kim-tháp, cũng gọi là Kim-đài. Tục truyền : có tích nước dâng, một cái tháp trôi theo dòng ; một nhà sư Cao-miên lấy sợi vải chín mối làm phép buộc lại, rồi giữ tháp luôn nơi đó, ngày nay thành gò ».

Trịnh đi nhiều biết nhiều đã dành, hơn nữa Trịnh còn có óc mạo-hiêm. Như trong bài thơ Trịnh tự-thuật đã đi tới một nơi nguy-hiêm, đất cắm ở nước Cao-miên, rằng :

« Trúc-giang phát thử thanh xà tiến,

« Biểc-phổ đao sa hắc lãng phiên.

Trịnh vẫn tự chú-thích kỹ-càng về hai câu ấy. Về câu trên, Trịnh chua rằng : *« Trúc-giang Mạ địa đa sản thanh xà, tịnh hối tiểu phong, thích nhân lập tử ».* Nghĩa : *« Sông Trúc ở đất Mạ sinh-sản nhiều rắn lục, thanh vắng hút gió, cắn người chết ngay ».*

Câu dưới thì Trịnh chua : *« Biểc-phổ vi Cao-miên cầm địa, hữu binh phòng-thủ, thời thủ kỳ dẫn, vi tiến quốc vương. Hữu Đại-chuyên-xạ tính thậm tranh ác ».* Nghĩa : *« Vàm sông Biểc là đất cắm xir Cao-miên, có phòng thủ, lúc bấy giờ ở giữ lấy trướng tranh (một bài rùa) để dâng cho nhà vua ; ở đấy có một vị « Đại-chuyên-xạ » tính rất hung-ác ».*

Cũng nhờ cái sự hay ghi-chép ấy của Trịnh, người đời sau mới nương đó mà hiểu-biết được nhiều điều.

Như câu thành-ngữ « trở vỏ lừa ra » chẳng hạn.

TRỊNH HOÀI ĐỨC

Nguyên tục-ngữ có câu : « Con gái trở vỏ lửa ra ». Ở Trung, Nam-Việt ai cũng biết cả. Ở Bắc cũng có tục ấy từ xưa, bây giờ đã bỏ nên ít có người biết. Phàm nhà có đàn-bà sinh, người ta buộc một cây ráy và một hanh củi đã đun đỏ một đầu vào một vôi nhau, rồi lại đem buộc trên một cái nọc cắm ngoài ngõ kêu bằng « khem ». Sinh con trai thì đặt hanh củi đã cháy đỏ ấy, trở đầu vào nhà ; con gái thì đầu ấy trở ra. Người đi qua lại, thấy cái khem thì biết ngay trong nhà sinh con trai hay con gái. Câu tục-ngữ ấy cũng như câu chữ nho : « Nữ sinh ngoại hướng » là con gái sinh ra thì hướng ra bên ngoài. (1)

Giải-thích thành-ngữ « trở vỏ lửa ra » kể trên đây, xuất xứ chính do Trịnh Hoài Đức đã ghi lại trong « Gia-định thông chí » của Trịnh soạn.

Mỗi một việc gì qua mắt, vào tai, Trịnh đều để ý ghi nhớ rồi dùng văn-chương làm phương-liện truyền lại đời sau kiến-văn của mình ; bởi thế văn-chương của Trịnh tuy thiếu vẻ đẹp song về đường thực-dụng, thật có ích.

(1) Ông Phan Khôi có viết một truyện dài nhan là « Trở vỏ lửa ra », chính do nghĩa đã giải thích trên đây. Truyện rất sâu-sắc, ý-vị.

TRỊNH HOÀI ĐỨC đối với nhóm « CHIÊU-ANH-CÁC »

Trong « Nam-kỳ tuần báo » số 51 ngày 9-9-1943, ông Hồ văn Trung viết : « Văn-đàn của nhóm Chiêu-anh-các là tầng thứ nhất của đài văn-học Nam-Trung, và nhờ họ Mạc mà đã được vẻ-vang cứng-cỏi. »

Thật thế. Từ sau khi Mạc Cửu mất, con là Mạc thiên Tích nối nghiệp, được chúa Nguyễn-phúc Chu phong làm đô-đốc trấn Hà-tiên (binh-thìn 1736), mời họp các văn-nhân học-giả bốn phương, lập một văn-đàn lấy hiệu là « Chiêu-anh-các ». Văn-đàn ấy đã làm cho miền Nam nước Việt nổi tiếng phong-lưu tài-vận một thời.

Non nước Việt-nam đã cảm-hóa được tâm-hồn những di dân nhà Minh chẳng ít. Những nhân-vật về sau họ Mạc, như Trịnh hoài Đức, Phan-thanh Giản thật sự thì vẫn là người Minh-hương lập nghiệp lâu đời ở nước ta rồi đồng-hóa, hấp-thụ văn-hóa Việt sâu-xa đến nghiêm-nhiên là người Việt trăm phần trăm chịu ảnh-hưởng văn-hóa Việt.

Trong bài « Lộc-trĩ thôn cư », một trong mười bài vịnh cảnh Hà-tiên, chính Mạc thiên Tích đã công-nhiên nhìn-nhận nền văn-hóa Việt đã chinh-phục được tâm-hồn mình :

« Duỗi co chẳng túng càn-khôn hẹp,

« Ngửa cúi vì tuân giáo-hóa lành.

Ấy là họ Mạc đã thành-thật nhìn-nhận : càn-khôn chẳng hẹp, duỗi co chẳng túng, nghĩa là bờ cõi nước Việt

TRỊNH HOÀI ĐỨC

ta đã rộng đẹp đến làm thỏa-mãn được chí-ý họ Mạc. Nhưng trong sự tung-hoành, họ Mạc vẫn phải chịu rằng sự giáo-hóa ở nước ta rất lạnh, nên rất mát dạ khi ngửa cúi tuân theo. Để rồi tưởng lại thân mình vốn là người lưu-lạc mà may được đến nơi văn-hóa đẹp-đẽ, họ Mạc tỏ cảm-tưởng hài lòng :

*« Lưu-loát hưởng dư nhân nước thịnh,
« Ê-hề sẵn có cửa trời dành.*

Tiếng trống khuya ở Giang-thành (*Giang-thành dạ cổ*), được họ Mạc tỏ rõ vịnh-bày phong-độ oai-hùng của quân-dân nước ta, và ghi-chứng sự vững-chắc của thành-trị ta :

*Trống quân Giang-thú nổi oai phong,
Nghiêm giọng đòi canh ổi núi sông.
Đánh phá mặt gian người biết tiếng,
Vang truyền lệnh sấm chùng nghiêng lòng.
Phao tuôn thủy đã an ba vạc,
Nhiệm-nhật chỉ cho lọt mấy lông.
Thỏ lụn sớm hầu trưa bóng ác,
Tiếng xe rầm-rạt mới nên công.*

Chuông sớm chùa Tiêu, tức chùa Phù-dung (*Tiêu tự thần-chung*) cũng có mãnh-lực nhiệm-mầu :

*Rừng thiền xích xát ánh ngoài ào,
Chuông giọng chùa Tiêu tiếng tiếng cao.
Chày thổ bậc vang muôn khóm sông,
Oai kinh thét rớt mấy cung sao.
Phiền-nao kể nấu sôi như vạc,
Trí-huệ người mài sắc tợ đao.
Mờ-mệt gấm dờng say mới lĩnh,
Phù-sinh trong một giấc chiêm-bao.*

Cho đến chim cò Châu-nham (*Châu-nham lạc lộ*) cũng có tinh linh đáng mến :

*Biết thế đỡ dưng tinh rất khôn,
Bay về đầm lũ mấy mươi muôn.*

*Đã giăng chữ nhất dài trăm trượng,
Lại bủa trận cờ trắng một non.
Sắc lịch dễ thua chi tuyết ngọc,
Dặm trường đâu sút nọ kinh côn.
Quen cây chim thể người quen chúa,
Dễ đời ngàn vàng một tấm son.*

Và đây : Biển trời Nam-phổ (Nam-phổ trùng ba) :

*Dòng Nam vũng rạng khách dầu chơi,
Hai thức như in nước vơi trời.
Bãi khói dưới không hương lạ bỏ,
Hồ gương trong có gấm thêu rơi.
Sóng chôn vẫy ngọc tình khôn xiết,
Nhạn tả thư trời giá mấy mươi.
Một lá yên ba đầu lộng-lẽo,
Dong trắng lừng gió nước vơi vơi.*

Tóm lại, một vùng non nước đất Phương-thành (1) thấy đều được thi-vị-hóa trong 10 bài miêu-tả 10 cảnh đẹp :

1. — TRĂNG GIÓ ĐÔNG-HỒ
2. — BIỂN TRỜI NAM-PHỐ
3. — HOA CỎ BÌNH-SƠN
4. — ĐÁ CÂY THẠCH-ĐỘNG
5. — NƯỚC MÂY KIM-DỰ
6. — CHIM CÒ CHÂU-NHAM.
7. — CHUÔNG SỚM CHÙA TIÊU
8. — TRỐNG KHUYA GIANG-THỦ
9. — BẾN LƯ NHÀN HẠ BUÔNG CẦU.
10. — RỪNG LỘC TIÊU ĐAO CHUỐC RƯỢU.

(1) Ly sở trấn Hà-tiên, Mạc thiên Tích đặt là Phương-thành, lại còn một tên khác nữa là Trúc-băng thành. Phương-thành lấy nghĩa rằng : đất Hà-tiên thuở nọ là một nơi văn-chương văn-vật có cái khí-vị nhẹ-nhàng thơm-tho như một cái thành đầy những hoa kỳ cỏ lạ tỏa hương. Có người hiểu lầm là « thành vuông » nên dịch ra tiếng pháp là Ville carrée. Còn Trúc-băng thành là vi ly-sở Hà-tiên ở trong hai dãy thành tre dài, thường gọi là Bờ-đồn lớn (13 km) và Bờ-đồn nhỏ (dộ hơn 3km).

Hà-tiên mười cảnh ấy lại được những tao-nhân mặc-khách nhóm Chiêu-anh-các gom vào bài lòng-luận đề dòi, vói lòng ước-nguyện cho bao cảnh ấy sẽ mãi mãi « *Sừng sừng muôn năm cũng đề dành* » cho con HỒNG cháu Lạc tự hào đất nước chẳng thiếu chi nơi danh thắng và do đây sẽ nảy-nở vô số trang tài-hoa văn-nhã biết trọng nền văn-hóa cao, sáng, đẹp :

*Mười cảnh Hà-tiên rất hữu tình,
Non non nước nước gấm nền xinh.
Đông-hồ, Lộc-trĩ luôn dòng chảy,
Nam-phổ, Lư-khê một mạch xanh.
Tiêu-tự, Giang-thành chuông trống ỏi,
Châu-nham, Kim-dự cá chim doanh.
Binh-son, Thạch-động là rường cột,
Sừng sừng muôn năm cũng đề dành. (1)*

Nhóm Chiêu-anh-các kẻ rất dòng-dào. Ông Tao-đàn nguyên-súy Mạc thiên Tích riêng tuyển chọn được 18 người ưng ý nhất, gọi là « thập-bát anh », đề cùng nhau xướng họa văn-chương và luận-đàm thao-lược. Thành ra Chiêu-anh-các bấy giờ vừa là một văn-miếu thờ đức Khổng-tử, vừa là một chốn thi-đàn mà cũng vừa là nơi hồ-trường.

Cái quang-cảnh binh-nhung quân-ngũ ở Hà-tiên lúc nọ như thế nào, ngày nay xem một đoạn thơ của họ Mạc thì rõ :

*.... Ghê thay một thú tàn cao,
Quan-âm nghiêm-nghị thu hào dẽ qua.
Yên nước nhà phải gài then chốt,
Dự phòng khi nhảy-nhót binh-đao.
Đêm hằng canh trống truyền lao,
Miễn an đất chúa, quản nào thần tói...*

Cho nên việc biên-phòng mới có được cái cảnh-tượng :
Càng khuya càng nhặt máy binh,

(1) Xin xem đoạn sau, có sao-lục đủ « Hà-tiên thập cảnh ».

TRÌNH HOÀI ĐỨC

Giao nghe rộn gáy chuột rình nép hơi.

Cả việc hàn-mặc lẫn binh-nhung đều được chăm-nom chu-đáo, nhờ thế mà nhân-dân trong trấn đã được ở yên vui nghiệp, mỹ-tục thuần-phong rực-rỡ :

...Người thanh-nhàn vật thì long-thạnh.

Dân bang kỳ ỷ sánh kỳ tây.

Nhà nhà cửa cửa thuận thay !

Nơi ngám thơ Lý, nơi vầy rượu Tô.

Đã say no lại tình nhân-nhượng,

Vi ở nơi cư thượng hữu khoan.

Thảnh-thơi đất thẳng bừa an,

Có dân làm-lụng có làng ần-chơi.

Chẳng phải Mạc thiên Tích lớn lối, hay là dùng văn-thơ tô-diêm sự thật lên màu quá đáng đâu. Chính thật họ Mạc bấy giờ đã mở-mang cõi Nam ra rất nhiều, gồm thêm được bốn huyện nữa :

1. — Long-xuyên (Cà-mau bảy giờ)
2. — Kiên-giang (Rạch-giá)
3. — Trấn-giang (miền Cần-thơ)
4. — Trấn-di (miền Bạc-liêu — Bãi-xàu),

Xem thế, công-lao họ Mạc chẳng nhỏ. Nhất là xem qua các thể thơ trú-tác trong thời ấy, đã dùng lối Đường-luật thất-ngôn bát-cú, lại dùng lối song-thất lục-bát là lối riêng-biệt của dân Việt ta từ Bắc truyền vào, đáng mừng cho văn-hóa ta có nền-tảng vững-chắc trong bước đầu mở-mang cõi đất miền Nam.

Ông Đông Hồ viết tập « *Hà-tiên Mạc-thị sử* » đăng ở tạp-chí Nam-phong số 143, tháng 10-1929, (1), đã hạ lời bàn xác-đáng :

« Người ta nên biết rằng : giữa lúc hòa-bình mà nhân hạ rong chơi phong-cảnh thì cũng hào mà cũng chưa hào, giữa lúc loạn lạc mà

(1) Ông Đào văn Hội có xin phép lục in vào sau tập « *Nam-kỳ danh nhân* », sau đổi lại là « *Danh-nhân nước nhà* ».

vẫn tự-nhiên rong chơi phong-cảnh thì mới thật là hào. Nay thấy cái lịch-sử của ông tống-binh trấn Hà-tiên và thập-bát anh (1) ở Chiêu-anh các trong cuộc hứng thưởng danh thắng này, thực cũng là cái lịch-sử lạ-lùng ít có vậy... Trong giang-hồ vẫn góp có thêm lang-miêu, ở nơi quân-thứ mà diềm về bút-nghiên thì chẳng cũng kỳ-vĩ, hào-hùng đó thay !

« ... Cái khí-vị đất Phương-thành lúc nọ thực là cái khí-vị nhẹ-nhàng trong-sạch ; cái cảnh-tượng đất Phương-thành lúc nọ thực là cái tư-cách tao-nhân mặc-khách ; cái phong-vị đất Phương-thành lúc nọ thực là cái phong-vị Hán-sĩ Đường-nho vậy »,

Điều nên nói và nên biết, bấy giờ một nhân-vật Việt-nam cũng xuất hiện, lỗi-lạc không kém gì Mạc thiên Tích. Ấy là Nguyễn cư Trinh. Văn-hào, võ-hiệp, Nguyễn cư Trinh đã mở đường Nam-tiến và đem văn-hóa Việt tuyên-dương (2), khiến họ Mạc phải kiêng-nể. Nên biết rằng Mạc thiên Tích vốn nuôi chí lớn, xem như hiện nay trên núi Bình-sơn ở Hà-tiên còn có nền tế sơn-xuyên, nền tế xã-tắc, thì biết họ Mạc khi ấy đã có dùng nghi-vệ vua chư-hầu. Nhưng vì thấy binh-lực ta chẳng hèn, văn-hóa ta cao, do những người như Nguyễn cư Trinh làm đại-biểu tuyên-dương, họ Mạc sao chẳng phục được ?

Dù sao, nhóm « Chiêu-anh-các » ấy cũng bất hủ trên lịch-sử văn-học Việt-nam. Cái cảnh-tượng đô-thành và cái tư-cách nhân-vật Hà-tiên trong cõi Đông-nai Gia-định lúc bấy giờ như thế nào, hãy xin do theo mấy câu thơ của người sau đề-vịnh thì đủ biết :

- Hà-tiên tự cổ xưng thi-bá,*
— *Từ-phú tặng hoa văn-hiến-quốc.*
Văn-chương cao ngất Trúc-bằng-thành,
— *Tài-hoa lâm lập trú Phương-thành.*

(1) Mười-tám người thông-minh giỏi-dẫn nhất trong nhóm ấy.

(2) Xin xem « *Truyện Sãi vĩ* » của Nguyễn cư Trinh, do Phạm văn Luật và Lê ngọc Trụ chú giải, nhà Tân Việt xuất-bản.

TRỊNH HOÀI ĐỨC

*Nam Bắc hàm vân thập-bát anh,
— Hồ chức long thoa thành nhũ tưng
Chiêu-anh-các thượng hữu tinh công,*

Hoặc tỏ lòng luyện cảnh, nhớ người xưa mà than-tiểu :

*Thi-hữu tinh anh tứ hữu thần,
San-hà y cụu vật hoa lân.
Bách niên thể-sự hờn như mộng,
Thùy thị Chiêu-anh-các thượng nhân.*

Nghĩa :

*Thi-tứ tinh-thần rạng vẻ yêu
Non sông y cũ, cảnh thay nhiều !
Trăm năm việc thể hờn như mộng,
Đâu bậc tài-hoa trên gác Chiêu ?*

Hoặc :

*Thùy năng thức đắc Chiêu-anh-các
Minh nguyệt thanh phong nhận đắc chân !*

Nghĩa :

*Ai hay biết được Chiêu-anh-các ?
Trăng gió trong veo nhận được rành.*

Nhóm « Chiêu-anh-các » được hoan-nghênh như thế. Cho nên khi Trịnh Hoài Đức ngồi chức hiệp-tổng-trấn thành Gia-dịnh, Trịnh rất chú ý về việc sưu-tầm sách-vở của nhóm ấy để lại.

Ngoài việc có lòng sùng-mộ văn-học, có lẽ trong thâm-tâm Trịnh Hoài Đức mến Mạc Thiên Tích vì cảnh « đồng hội đồng thuyền ». Mạc Thiên Tích là người Minh-hương, Trịnh cũng thế. Họ Mạc vẫn nuôi chí « phản Thanh phục Minh », Trịnh nào có khác gì. Đồng-thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, nhất là đồng bệnh thì thương nhau, ấy là lẽ tự-nhiên.

Cổ công tìm kiếm, Trịnh sưu-tập được bộ « **Minh Bật di ngư** » của nhóm Chiêu-anh-các. Trịnh bèn đứng ra lo việc in tập ấy để lưu truyền, rồi đề một bài tựa mới

cho sách ấy, trong năm Minh-mạng thứ 2 (1821). Trịnh lại có đôi câu đối đề ở « Trung-hiếu-từ » là nơi thờ Mạc Cửu ở Hà-tiên :

« Tự gia phu phát hoàn trung hiếu,
« Phủ hải ba đào ngoại tử sinh.

Bài tựa tập « Minh bệ di ngư » thì như sau :

« MINH BỆ DI NGƯ » (1)

Tựa của Trịnh Hoài Đức

(Bản dịch của Ngạc Xuyên)

« Mạc đờ-đốc, Tôn-quận-công, tên là Thiên Tứ (2), hiệu Sĩ-lân, làm quan tổng-trấn Hà-tiên.

« Thân-sinh của ngài là Mạc Cửu người ở Lôi-châu, Việt-đông, đem cả gia-quyển trú phương Nam, ở đất Chân-lạp, chiếm-cứ Hà-tiên, quy-thuận triều Nguyễn, được phong chức thống-binh trước hầu.

« Đến Mạc đờ-đốc càng thêm hiền đạt. Ngài tinh khi-khái, thông-minh hơn người, học-thức uyên-bác. Ngài có công ruộng gai mở nở, lập nên thành-lũy, mộ dân lưu-lạc xây-dựng cửa-nhà, lập ra làng-xóm. Nơi thâm sơn cùng cốc, ngài điếm-tò xây-dựng ra lâu-đài; chốn biên cảnh hoang-tàn, ngài giáo-hóa, mở-mang nền văn vật.

« Ngài cầu bậc hiền-tài, kỹ sĩ, từ Phú-xuân tới Quảng-đông, đề hỏi-han về chính-trị, giảng-luận về thi-văn; mở nền lễ-giáo tận nơi duyên hải, tạo cảnh Bồng-lai tự chốn lâm-san.

« Ngài thường lo trừ-hoạch việc bảo-vệ biên-cương, có thi giờ nhàn hạ lại hay bày tiệc khoản đãi hàng khách quý.

« Hà-tiên là xứ sở, ngài phân ra làm mười thặng cảnh :

(1) « Minh Bệ di ngư » nghĩa là : Con cá còn sót của bệ Bệ nhà Minh. Bệ-hải là bệ bao cả phía đông tỉnh Hà-bắc ở Trung-quốc, và cũng là tên một quận xưa của tỉnh Hà-bắc, giáp với quận Thanh-hà.

(2) Sau đổi là Thiên Tích.

TRINH HOÀI ĐỨC

1. — KIM-DỰ LAN ĐÀO
2. — BÌNH-SƠN ĐIỆP TÚY
3. — TIÊU TỰ THẦN CHUNG
4. — GIANG-THÀNH DẠ CỒ
5. — THẠCH-ĐỘNG THẦU VÂN
6. — CHÂU-NHAM LẠC LỘ
7. — ĐÔNG-HỒ ẤN NGUYỆT
8. — NAM-PHỐ TRÙNG BA
9. — LỘC-TRĨ THÔN CỤ
10. — LƯ-KHÊ NHÀN ĐIẾU

« Ngài cùng khách xướng họa thi thơ, hiệp thành 320 chương, tập thi này trao cho thợ in khắc thành bản.

« Lu-khê chính là một trong mười cảnh Hà-tiên vậy. Về cảnh này có bài phú hơn trăm lời, thi 32 vận, đều là của ngài làm ra, rồi hiệp cả lại cho nhan-dề là « **Minh Bội di ngư** » gọi là ngư mới u-hoài cảm khái tự chốn thâm tâm, chớ nào phải vì chén rượu câu thi mà xướng suông họa hão đâu.

« Mạc-công vốn thọ-bầm một khối tinh-thành, phụ vào một tám-hồn nghệ-sĩ, khác nào một bức danh họa, trước khi được tô-diềm xinh-tươi, đã chịu một màu trắng tinh làm nền họa : chớ lúc ấy há phải là thời buổi đề ngài nhả ngọc phun châu, dương mây, thỏ khí, được tổ điều đặc chỉ đâu.

« Chính vì ngài canh cánh nỗi cảm-hoài cố quốc, đô-thành mất tích, biến thành khuông cảnh « thử ly » (1). Ngài tư lương uất-ức : dẫn lòng trung phần hư vô, gửi dòng sóng bạc ; mòn mắt tử phần muôn dặm, trông đám mây ngàn ; nên ngài mượn lối thi thơ để giải-bày tâm-sự, ta há nên bình-nghị ngài về chỗ vui chơi, nhàn hạ như ai đâu.

(1) Đồng lúa oải-oại thay vào cảnh đô-thành của nhà Châu bị giặc Khuyển-nhung chiếm cứ. Cảnh mất nước.

« Tôi vào tuổi thành đồng (1) đã từng thấy :

Hà-tiên thập cảnh toàn tập
Minh Bội di ngư thi thảo
Hà-tiên vịnh vật thi tuyển
Châu-thị trình liệt tưng ngôn
Thi truyện tưng Lưu tiết-phụ
Thi thảo cách ngôn vị tập.

phạm sáu bộ sách đã xuất-bản lưu hành.

« Gần xa các sĩ-phu đọc từng bài, thưởng-thức và thần phục.

« Dầu ở tận cõi Nam-thùy, Hà-tiên cũng nhờ đó mà trở thành trời Châu, đất Lỗ, nổi dậy tiếng-tâm.

« Từ Hà-tiên gặp cơn binh-hỏa, bản phiên sách xưa đều bị ngọn lửa cay-nghiệt cháy thiêu, sách lưu hành cũng vì đó mà lần lần thất lạc.

« Đến lúc ra giúp nước, tôi (Trịnh Hoài Đức) cố tìm các sách ấy mà không được gặp. Thường trần-trọc thâu đêm, trí mãi vẫn-vơ lo nghĩ về việc sưu-tầm sách mất.

« Tuy-nhiên, nhờ tới Mạc-công có phải chỉ vì một việc văn-chương phong-nhã đó đâu.

« Toàn thể công-nghiệp lớn-lao của ngài, tài đức cao siêu chói-lọi của ngài, từ xưa đến nay, công-luận thấy đều xung-tụng, xét ra thật là chẳng ít.

« Kia chiếc thân bèo giạt khai-thác muôn dặm đất đai, khéo chọn minh-quân mà phụng-sự, tự làm rào giậu cho quốc-gia, biết chước an-toàn cho con cháu ; nay cháu ngài là Du hiện đang kế chức. Vậy đủ rõ trí-thức của ngài sáng-suốt, rộng-rãi là dường nào !

« Kia thời-kỳ thảo-muội, cương-trường lắm việc, ngài cùng với Gia-định Khẩn-sứ tham-mưu Nghi-biêu-hầu Nguyễn cư Trinh tới lui bàn-luận, trừ-tính việc quốc kế dân-sinh, được thỏa hiệp nhiều phương, nay hãy còn roi

(1) Hai-mươi tuổi.

dấu-tích bao nhiêu công-trình xưa để ngự phòng ngoại xâm, chỉnh tu nội trị. Vậy đã rõ tài-lược kinh-tế của ngài là đường nào.

« Kia năm tân-mão (1771) đầu mùa đông, quân Xiêm xâm-lược, thành coi không binh viện, ngài phơi thân chốn rừng tên mũi đạn khuyến-khích sĩ-khí, quân tâm, chống giữ thành-trị vững-vàng suốt tháng. Đến lúc Thập-thành (1) bị công-hãm, ngài tự đốc chiến nơi ngõ hẻm, đường nguy, nguyện còn mất với cô thành. Vậy đủ rõ anh-dũng, khi-tiết của ngài là đường nào !

« Kia lúc kinh-sur nghiêng-đổ, ngự giá vào Nam, cộp đói cường áp vùng Định-viên, rờng thân thất thế tại Cần-thơ, ngài thiếu cả binh-nhung, bộ tướng cũng chẳng có, thế mà ngài liều thân bảo vệ Nguyễn-vương, ủy-thác phần con kháng cự với quân giặc (2). Vậy đủ rõ lòng trung-nghĩa phẫn-phát của ngài là đường nào !

« Kia gặp hồi vận nước đa truân, anh-hùng không nơi dụng võ, ngài sang đất Xiêm-la, trú nghĩ phượng thỉnh viện, chẳng may gặp phải vị vua vô đạo, nghe lầm lời sàm ; ián của triều-thần, ngờ ngài lập cơ-mưu chiếm nước đoạt ngôi, khiến ngài chịu hàm oan, ôm mối trung-thành mà tự tận (3). Đó có phải là diễm trời chưa khai thông cuộc trị binh chẳng ? Vậy có nên trách-cứ mưu-lược của người chẳng ?

« Tôi vẫn khâm-phục đạo làm người của Mạc-công, mà

(1) Thập-thành tức thành Hà-tiên. Tiểu-sử Mạc thiên Tích trong Liệt truyện có chép : Năm tân-mão, mùa thu, tại Hà-tiên có trông thấy về hướng nam mọc mống đỏ, có hai chia làm thành chữ thập, chính là diễm thành thất thủ vào tháng mười.

(2) Con Mạc thiên Tích là tham-tướng Mạc tử Duyên chống với Tây-sơn tại Cần-thơ. Hiện nay còn dấu-tích rạch tham-tướng.

(3) Lúc mất thọ 70 tuổi. Cùng tử tiết với hai người con là Tử Hoàng, Tử Thượng và Tôn thất Xuân với hơn 50 quân tùy tùng.

TRỊNH HOÀI ĐỨC

cũng thương-hại ngài ở chỗ thời mạng chẳng gặp. Tôi vẫn mong nêu cao danh-tiết ngài sừng-sừng đứng vững muôn năm, tranh vinh cùng sông núi.

Năm canh-thìn (1820), mùa hạ, vâng mạng về Kinh, thọ lãnh bộ vụ, tôi (Trịnh Hoài Đức) may gặp được tập « **Lư-khê nhàn điệu** » của ngài, rất khoan-khoái đọc suốt cả đầu đuôi, mới rõ năm bình-thìn (1736), tháng hai, ngài in bản « Chiêu-anh-các ».

« Nguyên-bản có đoạn khuyết mất không thể so-sánh đầu được, tôi bèn lập ý bổ khuyết vào, rồi giao cho nhà in khắc bản khác. Chỗ dụng tâm là in lại sách của Mạc-công, mong để lại dấu-tích như « Cam-dàn », « Nghiện-bi », khiến đoàn hậu tiến còn nhớ lời ngài luôn, chớ không phải vì muốn thỏa-mãn bịnh mê thi-họa của kẻ viết mấy hàng này.

*Minh-mạng thứ hai (tân-tị 1821), đầu mùa hạ,
Lại-bộ thượng-thư An-toàn-hầu Trịnh Căn-trai tự
tay thảo ra tại công-thự ở kinh-dó Phú-xuân.*

TRỊNH HOÀI ĐỨC
đối với nhóm « SƠN-HỘI »
và « MINH - HƯƠNG - XÃ »

Như chúng ta đã biết ở đoạn trên, tấm lòng Trịnh hoài Đức thương-mến họ Mạc, ngoài những lễ Trịnh đã tỏ ra trong bài tựa tập « *Minh Bột di ngư* », còn có một lễ tự-nhiên là họ Mạc kia với Trịnh vốn cùng là người Hán-tộc ; Mạc thiên Tích được rạng-rỡ, tức là Trịnh hoài Đức cũng được dự một phần vinh-diệu.

Hướng chi, Trịnh hoài Đức, Lê quang Định và Ngô nhân Tịnh, ba nhân-vật lỗi-lạc được xưng-tụng là « Gia-dịnh tam gia » bấy giờ có mở một thi-xã mang tên « *Bình-dương* » là huyện-ly tỉnh Gia-dịnh. Mà phần đông trong nhóm « *Bình dương thi-xã* » còn có một tên gọi khác nữa là nhóm « *Sơn-hội* » ; các hội-viên đều đề hiệu có chữ « sơn » ở sau. Như : Chỉ-sơn Trịnh hoài Đức, Nhữ-sơn Ngô nhân Tịnh, Hối-sơn Hoàng ngọc Uẩn, Kỳ-sơn Diệp minh Phụng v. v. Ấy là những người « Minh-hương », còn nhớ gốc mình... Nhưng trông vào sự làm việc của những nhân-vật Minh - hương ấy đối với nước ta, thật cũng đáng mừng cho sức mạnh văn-hóa ta đã khiến được những nhân-vật ấy phải mến-phục mà đồng-hóa với ta.

Đến nay, tại đô-thành Chợ-lớn, còn sót lại hai ngôi chùa của người Minh-hương : một ngôi ở đường Thủy-

TRỊNH HOÀI ĐỨC

binh (Marins) (1) số 246, thuộc nhóm « Minh-hương Gia-thạnh » ; một ngôi ở đường Drouhet (2), số 64, thuộc nhóm « Minh-hương Phúc-an » và thờ Quan Văn-trường.

Riêng về đình Minh-hương ấp Gia-thạnh xưa kia, nay còn rành rành dấu-tích của Trịnh hoài Đức. Vào ngôi đình ấy, ngó lên bảng hiệu ta thấy bốn chữ to « Minh-hương hội quán, lạc-khoản đề : (bên mặt) Long phi mậu-ngũ niên kết nhật ; và (bên trái) Bản-xã (3) đồng lập.

Chiếu theo lạc-khoản ấy, tính từ khi có danh-từ « Minh-hương-xã » (mậu-dần 1698), thì mậu-ngũ nhằm vào những năm 1738, 1798, 1858 và 1918. Gần với năm 1698 hơn hết là 1738, mà đúng 100 năm với 1698 là năm 1798, chẳng rõ chắc đình Minh-hương xây-dựng từ năm nào.

Lại một điều đáng tiếc hơn nữa, là đến ngày nay, trải mấy phen tu-bổ vụng-về, cảnh-tri và cách kiến-trúc hai ngôi chùa của người Minh-hương không còn một dấu-tích xưa để phân-biệt hẳn với những ngôi chùa khác của người Tàu. Duy trong chùa Minh-hương ấp Gia-thạnh thờ vua Gia-long và những vị công-thần người Minh-hương, còn sót lại một tấm biền xưa có ba chữ « Gia-thạnh đường » và đôi liễn của Trịnh hoài Đức .

« MINH đồng nhật nguyệt diệu NAM thiên, phụng chủ lân tường GIA cầm tú ;

HƯƠNG mãn càn-khôn linh VIỆT địa, long bàn hổ cứ THẠNH văn-chương.

Nghĩa :

« Ánh-sáng không thua mặt trời mặt trăng, đề soi khắp trời Nam ; quy-mô thì phụng mùa lân châu làm tăng vẻ đẹp như gấm vóc ;

(1) Nay là đường Đồng-khánh

(2) Nay là đường Hùng-vương.

(3) « Minh-hương-xã » do Mạc Cửu sáng-lập từ năm mậu-dần 1698

TRỊNH HOÀI ĐỨC

« Mùi hương tung khắp đất trời mà làm thơm cho nước Việt ; địa-thể thì rộng quảng cạp dựa đề nảy ra những ánh tài-hoa.

Cái hay trong đôi liên chắc ai cũng đã thấy . gom được cả tên chùa (Minh-hương), tên ấp (Gia-thạnh) và tên nước (Nam Việt). Nhất là biểu-lộ rõ-rệt lòng tự-hào của Trịnh hoài Đức (nhóm người cố sức đề sáng không thua mặt trời mặt trăng và thơm thì tung khắp trời đất Việt).

Đến đây, chúng ta nên chú ý đến hai chữ Minh-hương. Chính chữ thì Minh, nghĩa là nhà Minh, Hương là quê hương, gồm lại Minh-hương tức là... quê-hương của người Minh. Nhưng ở đôi liên của Trịnh hoài Đức, dùng danh-từ « Minh-hương » với nghĩa « sáng, thơm ». Về mặt chữ, chữ Minh vẫn là một, chữ hương thì viết khác.

Vốn chẳng có chi lạ, chẳng qua đề tránh sự nghi-ngờ về chính-trị đó thôi. Như chúng ta đã biết, nhóm Mạc Cửu qua đây lập « Minh-hương-xã », không phải đề tỏ lòng nhớ-nhung cố quốc mà thôi, họ còn lo sao cho giống Hán thoát khỏi ách của giống Mãn nhà Thanh. Ngoài bao nhiêu việc làm khác, một hội kín trong bọn họ : *Thiên-địa-hội*, bắt hội viên phải thề với khẩu-hiệu « phẫn Thanh phục Minh ».

Vua Mãn Thanh biết được, dùng đến ngôn ngoại-giao đề rào đón. Vì thế, về thời Minh-mạng, *Thiên-địa-hội* bị cấm gắt-gao, và trên những văn-kiện trong các sô-bộ, chữ Minh-hương mới phải thay-đổi như đã nói trên.

Còn một điều đáng biết, về tấm biển « Gia-thạnh-đường », tương truyền của vua Minh-mạng ban, vì lúc bấy giờ vùng đó thuộc ấp Gia-thạnh và những người có phận-sự thâu thuế cho triều-dinh thường họp nhau làm việc nơi ấy.

Hiện nay Trịnh hoài Đức được thờ ở chùa Minh-hương Gia-thạnh. Và mộ Trịnh hoài Đức cũng đã được trường Bác-cổ thừa-nhận và trông nom theo nghị-định số 1189 ngày 24-2-1938.

PHỤ LỤC

DI SỬ CẢM-TÁC (18 bài của Trịnh hoài Đức)

I

Vuông tròn trời đất (1) nói khôn cùng,
Tháng bảy ngày rằm (2) đến Quảng-đông.
Kéo kéo lẳng-những nhai chũng dirt,
Tơ vò rối-rắm gỡ hầu xong.
Nửa năm cơm thịt đôi tên khách,
Ngàn dặm non sông một cái trông.
Chừ (3) gặp cố-nhân (4) bày khoản khúc,
Kẻ đây thương đó, đó người trông.

II

Người trông nên phải gắng chiu lòn,
Tháng tứ (5) ngày dần đến Úc-môn.
Ngàn dặm ơn sâu lai-láng biển,
Muôn trùng nghĩa nặng chấp-chồng non.
Dưới trời ai dễ không tôi chứa,
Trên đất người đều có vợ con.

(1) Do chữ *Thiên phương địa viên* : trời vuông đất tròn.

(2) Trong năm tân-dậu 1801.

(3) Chẳng biết từ bao giờ. Có bản chép là « chura » nghe kém hơn « chừ » nhiều.

(4) *Cố-nhân* : người cũ.

(5) Tháng mười một âm-lịch.

PHỤ LỤC

*Đồ-sộ vật chi xem hỡi dấy,
Chẳng sau chẳng trước chẳng đen mòn (1).*

III

*Đen mòn sao đặng nghĩ cùng ta,
Năn-nỉ cùng nhau việc cửa nhà.
Ít sống xưa nay người bảy-chục (2),
Nhiều lo lui tới đạo năm ba (3).
Trăng tròn mặt ủ mây chưa vén,
Biên mẫn lòng thương nước khó pha.
Cây có diềm vàng soi tỏ dạ,
Đẽ đầu chẳng biết sự nhưng là.*

IV

*Nhưng là muốn mở nẻo chóng-gai,
Bao quân đường xa mấy dặm dài.
Dưới nguyệt tham vui nên rút chén,
Trong sương chịu lạnh bởi tầm mai.
Đã cam mình chịu cây vô dụng,
Chớ nê (4) ai chẻ đũa bất tài.
Nghĩ kẻ hai-trăm năm có lẽ (5)
Xin đừng lẫn-lựa sự nay mai.*

(1) Hai câu thúc-kết này ý nói : đạo-lý hằng còn, xưa qua nay lại đều trông vào đó làm nêu.

(2) Do câu thơ cổ : *Nhân-sinh thất thập cô lai hy.*

(3) Có bản chép : *Nhiều lo lui tới diệu năm ba.* Năm ba là nói về đạo tam cang, ngũ thường hay ngũ luân. *Tam cang* : Ba giếng mối (Vua làm giếng mối cho bề tôi, cha làm giếng mối cho con, chồng làm giếng mối cho vợ). *Ngũ thường* hay *Ngũ luân* : Năm đấng bậc thường mà con người phải biết đề ăn-ở cho phải đạo-lý (Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè-bạn).

(4) Có bản chép *trách*.

(5) Hai trăm-năm dư đây, có lẽ Trịnh muốn nói đến việc nhà Thanh dứt nhà Minh.

PHỤ LỤC

V

Nay mai còn có việc chưa xong,
Hưởng đã xa xuôi mấy dặm trường.
Dường (1) nợ phải chẳng còn nhận nhận (2)
Sự (3) này khôn dại hãy vương vương.
Chanh-ranh bởi đó sao lãng-liu,
Mắc-mở vì ai khéo vẩn-vương.
Trình với bao nhiêu người quyển thức (4),
Đem lòng quán-tử mặc đo lường.

VI

Đo lường lại giận sự con cua (5)
Trường đến càng thêm nổi dẫn-đua (6).
Mây mịt mù che (7) trời nhớ bạn,
Nước mênh-mông chảy bề trông vua.
Đi cờ thấy (8) đó tay không thấp,
Điểm nước lo ai cuộc chẳng thua (9).
Cho biết làm người thì phải vậy,
Dễ đâu chẳng biết một bàn vua.

VII

Một bàn vua sạch đám hoang hung,

(1) Có sách chép là *Đường*. *Dường* (hay *Nhường*) có nghĩa hơn *Đường*.

(2) Nhận-nhàng. Nhiều bề rộn-ràng, lộn-xộn.

(3) Có sách chép : *Nổi*.

(4) Quyển thức : Quen biết trong vòng thân-thuộc.

(5) Ý nói ngang-ngược.

(6) Có sách chép : *dẫn-chua*. Đây phải là *dẫn-đua* do chữ *dẫn-do* biến âm và để cho hợp vần. Thế mới đúng.

(7) Có sách chép : *bay*.

(8) Có sách chép : *nhắm*.

(9) Có sách chép : *Đếm dất* do ai cuộc chẳng thua.

PHỤ LỤC

*Phong-cảnh như vầy phỉ luống (1) trống.
Lối (2) vịnh năm ba thuyền đõ liễu,
Bền non bảy tám hạc về tồng.
Vật còn chút biết trời khuya sớm,
Người dễ không hay đất lạnh-lùng.
Lố (3) thấy chín trùng (4) chưa khoẻ gối,
Dám đâu mình chịu phạt thông-dong.*

VIII

*Thông-dong như vậy ít ai bì,
Mượn mõ làm vui dễ khó gì (5).
Thu hứng tám bài thơ Đỗ Phủ (6),
Đông ngám một bức họa Vương Duy (7).
Cầm xoang chấm phim thương tri-kỷ (8),
Cờ sấp thừa (9) con học chính sư (10).
Người thể thì thôi người dễ dặng (11),
Người thì dễ dặng khó chi chi.*

(1) Có sách chép : *Dạ*.

(2) Có sách chép : *Đoi*.

(3) Có sách chép : *Nghĩ*. Cũng có bản chép : *Đoái*.

(4) Nơi vua ngự. Ý nói vua. Đo chữ *cửu-trùng* : chín bậc. Thêm vua xưa xây chín bậc cao.

(5) Có sách chép : *có chi*.

(6) *Đỗ Phủ* : Một nhà thơ nổi danh nhà Đường, có làm tám bài « *Thu hứng* ».

(7) *Vương Duy* : Người đời Đường, thơ hay, vẽ khéo. Đòi bấy giờ cho thơ của Vương Duy như vẽ, còn tranh vẽ khéo như có thơ hay (*Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi* : Trong thơ có tranh vẽ, trong tranh có vẽ thơ).

(8) *Tri-kỷ* : biết mình. Nói bạn tâm giao hiểu-biết nhau.

(9) Có sách chép : *thua*.

(10) *Chính-sư* : Thầy giỏi, học chính gốc.

(11) Có sách chép : *Rồi đó thôi thì người dễ dặng*.

IX

Chỉ chỉ nghe đến tấm lòng xiêu,
Chập trời tị-bà (1) oán-hận nhiều.
Riêng trách chẳng vàng người vẽ tượng (2),
Táy than không bạc nịnh mua (3) yều.
Đất Hồ hoa ủ màu không lọt (4),
Trời Hàn trắng tròn (5) bóng xế theo.
Bao quân Ngọc-quan (6) tinh mây dậm,
Mưa sầu gió thảm thuở Ban Siêu (7).

X

Ban Siêu bèn núi bóng cò giờ,
Tuyết trải năm ba hỡi (8) đọi-chờ.
Lổ dạng ác vàng lòng có Hán,
Liếc xem tuyết bạc mắt không Hồ.
Chong (9) sương một cán cò ngay-thẳng,
Chải gió năm canh dãi (10) phất-phơ.
Vôi (11) hởi xanh xanh kia biết chẳng,
Ngày nào về dựng nước nhà xưa ? (12)

(1) Một thư dân. Ngày xưa Vương Chiêu-quân cống Hồ, đã ôm đàn ấy mà gảy những khúc oán-than sầu-hận.

(2) Có sách chép : *dạng*.

(3) Có sách chép : *Vua*. Rất sai. Đây, hai câu tam tứ nói về Mao diên Thọ vì không nhận được tiền lo lót của Chiêu-quân, nên đã làm cho tàn tạ nhan-sắc Chiêu-quân đi.

(4) Có sách chép : *mùi khôn lọt*.

(5) Có sách chép : *trắng chiều*.

(6) Tên một cửa ải ở Trung-quốc.

(7) Danh-tướng nhà Đông-Hán, đi sứ Tây-vực, từng trải gian lao, khiến hơn năm-mươi nước nhỏ phải thần-phục Trung-quốc. Có sách chép : *ban chiều*. Rất sai.

(8) Có sách chép : *hỡi*.

(9) Có sách chép : *Chống*.

(10) Có sách chép : *dạ*.

(11) Có sách chép : *Vôi*.

(12) Có sách chép : Ngày nào *dem* lại nước nhà xưa ?

PHỤ LỤC

XI

Nước nhà xưa có phụ chi ai,
Nhấn (1) với bao nhiêu kẻ cõi ngoài.
Gắng sức dời (2) non khoan nói tướng,
Trải lòng nâng vạc mới rằng trai.
Nặng sương chưa đội trời chung một,
Sóng núi đùng (3) cho đất rẽ hai.
Giúp cuộc Võ, Thang (4) ra sức đánh,
Người coi để tiếng nhắc lâu dài.

XII

Lâu dài mong trả nợ quân thân (5)
Bao (6) quản đường xa gánh nặng hồng.
Chớp lụy anh-hùng khi tác biệt, (7)
Bày lòng trung-nghĩa đạo vi thần. (8)
Con ve mới dứt hơi kêu hạ, (9)
Cái võ (10) mò canh tiếng khóc xuân. (11)
Gió thắm mưa sầu đang dập-dã,
Bút hoa mượn chép sự khùng-khàng. (12)

(1) Nhiều sách chép : *Cậy*.

(2) Có sách chép : *day*

(3) Có sách chép : *nào*

(4) Vua Thành-thang đánh đuổi vua Kiệt nhà Hạ, gây dựng nên nhà Thương. Võ-vương đánh đuổi vua Trụ nhà Ân (tức nhà Thương đổi lại), gây dựng ra nhà Chu.

(5) Quân : vua, thân : cha mẹ.

(6) Có sách chép : *Chi*

(7) Tác biệt : làm ra nông-nỗi chia-lla.

(8) Đạo vi thần : đạo làm tôi.

(9) Có sách chép : Con *ong mẫy chặp* hơi kêu hạ

(10) Chim đỗ-vũ, cũng gọi là đỗ-quyên, hay đề-quyết, tức là chim quốc.

(11) Có sách chép : Cái võ năm canh tiếng khóc xuân.

(12) Có sách chép : Bút hoa *tay tả sự cùn-cần*.

XIII

Khùng-khàng lại giận đũa lẳng-những (1)
Sấm tối mưa mai gấm chẳng bằng.
Bến nước mười hai đũa chiếc lá,
Đất trời ba bảy đợi con trăng.
Thương đày lại dặn đừng thương lẳng,
Nhờ đó thôi thì chờ nhờ sấm.
Mỗi nợ sự duyên ai có hỏi (2)
Xưa nay cũng một tấm lòng chẳng ?

XIV

Tấm lòng chẳng phải phải phân-trần (3)
Ít nói là người dưỡng tính chân,
Đã bện bó rom (4) làm đũa quý,
Lại trau cục (5) đá tượng ông thần.
Dù chưa dứt phần lò gương mặt,
Sấm có cây da (6) cạy tấm thân.
Cũng muốn đem mình (7) đi thế ấy,
Đem mình đi thế ấy bản-thần (8).

XV

Bản-thần lại giận (9) đũa xung-xặng,
Quán Sở lâu Tần (10) đã mấy trắng.
Phói-phời mưa xuân hang dẽ lụp,

(1) Có sách chép : Cùn-cùn đũa tượng sự lẳng-những.

(2) Có sách chép : e khó hỏi.

(3) Có sách chép : Tấm lòng chẳng phải tỏ phân-trần.

(4) Có sách chép : bù nhìn

(5) Có sách chép : Lại đen viên

(6) Có sách chép : da cây

(7) Có sách chép : thân

(8) Có sách chép : Đem thân thế ấy lại bản-thần.

(9) Có sách chép : trổng

(10) Ý nói thân phiêu-bạt giang-hồ, rày đây nay đó, ăn gửi nằm nhờ.

PHỤ LỤC

*Chan-chan nắng hạ lửa đang hừng.
Thu trao thư nhận lời no ấm,
Đông gặp tin mai chuyện khó-khẩn.
Trời đất bốn phương non nước ấy,
Làm chi nên nỗi việc lằng-nhặng.*

XVI

*Lằng-nhặng bữa dịp sự hoang-đàng,
Tiệc ngọc thuyền qua (1) bạn dãi-đặng.
Than phận lénh-đénh đào thờ-lợ,
Trách duyên lạt-lẻo liễu xây quàng.
Con trắng nhắm bóng cây mai bạc,
Di gió đưa duyên đóa cúc vàng.
Ơn đời chúa xuân cơn gặp-gỡ,
Coi trầu chén rượu dằm mê-mang.*

XVII

*Mê-mang cho đến bụt là tiên (2).
Năm đầu năm (3) bài giả dạng điên.
Vui sẵn trước hoa vại đóa cúc,
Lo chi trong dẫy (4) một đồng tiền.
Lưu Linh (5) vợ lại khôn từ (6) chén,
Lý Bạch (7) vua kêu chẳng xuống thuyền.
Hầu muốn học đòi theo thể ấy,
Song lo thời thể hãy chưa yên.*

-
- (1) Có sách chép : *hoa*.
(2) Có sách chép : *Mê-mang chưa đến bụt là tiên*.
(3) Có sách chép : *trăm*.
(4) Có sách chép : *túi*.
(5) Người đời Tấn. Hay rượu. Có làm bài « *Tửu đức tụng* » (*Ca-tụng đức uống rượu*).
(6) Có sách chép : *thời*.
(7) Nhà thơ nổi tiếng đời Đường. Đỗ Phủ có câu thơ : « *Thiên tử hô lai bất thường thuyền* » Nghĩa : « *Vua cho gọi (Lý Bạch), chẳng xuống thuyền ngự châu hầu* ».

PHỤ LỤC

XVIII

*Chưa yên ta phải tính làm sao,
Cơm áo ngồi không dễ dặng nào ?
Phải (1) mượn binh sưng trừ giặc cỏ,
Lại đem trận gió phất cờ lau.
Đất (2) yên cõi Việt rừng nho rậm,
Trời giúp nhà Ngu (3) biển thành cao.
Mới biết tài non đền nợ nước,
Dám đâu nói chuyện ăn nguồn Đào (4).*

(1) Có sách chép : *Đã*.

(2) Có sách chép : *Nước*.

(3) Đời vua Thuấn họ Hữu-ngu.

(4) Do chữ *Đào-nguyên*. Đào Tiềm đời Tấn có làm bài « ký suối hoa đào » kể chuyện người đánh cá ở Vũ-lăng vào rừng đào, đến một nơi thấy có dân-cư chạy loạn từ đời Tần, khi trở về báo quan sở tại, cũng trở lại tìm chốn ấy thì không tìm thấy nữa. Có lẽ đây là cảnh tiên. Ấy là tích « ngư phủ nhập Đào-nguồn ».

HÀ-TIÊN THẬP CANH

(Mười bài vịnh cảnh Hà-tiên của MẠC THIÊN TÍCH)

I

Đông-hồ ấn nguyệt (1)

(Trăng gió Đông-hồ)

Một hồ rờ rờ liết thu quang (2),
Giữa có vầng trăng nổi rõ-ràng.
Đáy nước chân mây in một sắc,
Á Hưởng nàng Tố liễu đôi phang (3).
Rạng thanh đã hừng thuyền Tô-tử (4),
Lạnh-lẽo càng đau kiến Nhạc Xương (5).
Cảnh một mà tình người dễ một,
Người thì ngả-ngón, kẻ sầu-thương.

II

Nam-phố trùng ba

(Biển trời Nam-phố)

Dòng Nam vừng rạng khách dầu chơi,

(1) Phá Hà-tiên.

(2) Trời thu trong-sáng.

(3) Cặp trạng đây ý nói trăng trên trời lồng đáy nước, mường-tượng hai cảnh trăng.

(4) Tô Đông Pha rong thuyền chơi-nhờn ở miền Xích-bích vào tiết thu.

(5) Nhạc Xương là công-chúa nước Trần, vợ phò-mã Trần đức Ngón đời Trần ở Trung-quốc. Nhà Tùy đánh phá, vợ chồng biệt nhau, công-chúa đập gương bể làm hai mảnh, mỗi người giữ một nửa. Sau nhờ đó mà gặp-gỡ lại.

PHỤ LỤC

Hai thức như in nước vời trời (1).
Bãi khởi dưới không hương lạ (2) bỏ,
Hồ gương trong có gấm thêu (3) rơi.
Sóng chôn vẫy ngọc tình khôn xiết,
Nhạn tả thư trời giá mấy mươi.
Một lá yên-ba (4) dầu lộng-lẽo,
Đong trắng lường gió nước vời vời.

III

Bình-sơn điệp túy (5)
(Hoa cỏ Bình-sơn)

Một bước càng thêm một thú yêu,
Làn cây vết đá vẽ hay thêu ?
Mây tóng khói liễu chông rồi chấp,
Đàn suối ca chim thấp lại kiêu (6).
Luật ngọc Trâu-ông chằng phải trời,
Ngôi srong Ma-cật (7) đã thua nhiều.
Đền đây mới biết làm-tuyền (8) quý,
Chẳng trách Sào, Do lánh Đẽ Nghiêu (9).

IV

Thạch-động thâu vân
(Đá cây Thạch-động)

Quỷ trở thần xoi nổi một tòa,
Chòm cây khóm đá dấu tiên-gia (10).

(1) Lấy ý ở câu « Thu-thủy cộng trường thiên nhất sắc » của Vương Bột.

(2) Có sách chép : *lạ*.

(3) Có sách chép : *thêm*.

(4) Con thuyền vượt sóng.

(5) Núi Lăng.

(6) Chính là chữ *cao*, đọc là kiêu cho đúng vận thơ.

(7) Ma-cật là tên tự của Vương Duy, một người nổi tiếng thơ hay, vẽ giỏi đời Đường.

(8) Rừng suối. Chốn ẩn-dật.

(9) Sào Phủ và Hứa Do, hai người hiền đã từ-chối không nhận lãnh ngai vàng do vua Nghiêu muốn truyền lại cho.

(10) Nhà tiên, người tiên.

PHỤ LỤC

*Hang sâu thăm-thăm mây vun lại,
Cửa rộng thênh-thênh gió thổi qua.
Trống-lồng bốn bề thấu thế-giới,
Chang-bang một dãy chùa yên-hà (1).
Chân trời mới biết kho trời đầy,
Cán-đai (2) hèn chi rở ỷ-la.*

V

Kim-dự lan đào (3)

(Nước mây Kim-dự)

*Kim-dự này là núi chốt then,
Xanh xanh dành trấn cửa Hà-tiên.
Ngăn-ngừa nước dữ không vùng-vẫy,
Che-chở dân lành khỏi ngừa-nghiêng.
Thế cả vững-vàng trên Bắc-hải (4),
Cổng cao đồ-sộ giữa Nam-thiên (5).
Nước an chẳng chút lòng thu động,
Rộng bủa nhân ra tiếp bá xuyên (6)*

VI

Châu-nham lạc lộ (7)

(Chim cò Châu-nham)

*Biết thế đồ-dùng tính rất khôn (8)
Bay về đầm-lũ (9) mấy mươi muôn.
Đã giăng chữ nhất dài trăm trượng,*

-
- (1) Khói mây. Ý nói bầu trời.
(2) Khăn và dây đai. Bậc quan sang, phong-lưu.
(3) Tô-châu.
(4) Bề Bắc
(5) Trời Nam
(6) Trăm ngọn Sông.
(7) Có sách chép : Châu-nham lạc nạn. (Núi Đá-dựng)
(8) Có sách chép : Biết chỗ mà nương ậy mới khôn.
(9) Có sách chép : đầm cũ.

PHỤ LỤC

Lại bữa trận cờ trắng một non (1).
Sắc lịch dễ thua chỉ tuyết-ngọc,
Dặm trường đầu sứt nọ kinh-côn (2).
Quen cây chìm thể người quen chúa,
Để đời nghìn vàng một tấm son.

VII

Tiêu-tự thần chung (3)

(*Chuang sớm chùa Tiêu*)

Rừng thiên xít-xát ánh ngoài lao,
Chuang giáng chùa Tiêu tiếng tiếng cao.
Chày thổ bậc vang muôn khóm sóng,
Oai kinh thét rớt mấy cung sao.
Phiền-nao kẻ nấu sôi như vạc,
Trí-huệ người mài sắc tợ dao.
Mờ-mệt gấm đường say mới tỉnh,
Phù-sinh (4) trong một giấc chiêm-bao.

VIII

Giang-thành dạ cỡ

(*Trống khuya Giang-thú*)

Trống quân Giang-thú nổi oai-phong,
Nghiêm gióng (5) đòi canh ỏi núi-sông.
Đánh phá mặt gian người biết tiếng (6),
Vang truyền lệnh sấm chúng nghiêng lòng.
Phao tuôn thấy đã an ba vạc,
Nhiệm-nhãi chỉ cho lọt mấy lòng.

(1) Có sách chép : *Lại sắp bàn cờ trắng mấy non.*

(2) Có sách chép hai câu khác xa :

Ngày lụn ba xuân ngàn phần vè
Đêm trường chín hạ tuyết sương còn.

(3) Chùa Tiêu, hay chùa Phù-dung.

(4) Cuộc sống qua mau.

(5) Có sách chép : *Gióng-giã.*

(6) Có sách chép : *Đánh phá lũ gian người biết mặt.*

PHỤ LỤC

*Thỏ lụn sớm hầu trưa bóng ác (1),
Tiếng xe rầm-rạt mới nên công.*

IX

Lư-kê nhàn điều (2)
(*Bến Lư nhàn hạ buông cần*)

*Bến Dục nhà ngư cất mấy tầng,
Trong nhàn, riêng có sự lãng xãng.
Lười chài phơi bữa đầy sân hạ,
Gỏi rượu say-sưa toại nghiệp hằng.
Nghề Thuần hãy truyền nghề trát trát,
Dấu Nghiêu còn thấy dấu rành rành.
Suy đây mười cảnh thanh hòa lạ,
Họa cảnh Bồng-lai mới sánh bằng.*

X

Lộc-tri thôn cư (3)
(*Rừng Lộc tiêu dao chuốc rượu*)

*Lâm Lộc (4) ai rằng núi chẳng thanh,
Nửa kẻ nước bích nửa non xanh.
Duỗi-co chẳng túng càn-khôn (5) hẹp,
Cúi-ngửa vì tuân giáo-hóa lành.
Lưu-loát (6) hưởng dư nhân nước thịnh,
Ê-hề sẵn có cửa trời dành.
Đâu no thì đó là an-lạc,
Lựa phải chen chân chốn thị-thành.*

-
- (1) Có sách chép : *Thỏ lụn sớm châu trưa bóng ác.*
(2) Có chỗ chép : *Lư-kê ngư bạc (Rạch Dục).*
(3) Mũi Nai.
(4) Rừng Lộc.
(5) Theo nghĩa kinh Dịch, *càn* là tượng trời, *khôn* là tượng đất ; *Càn-khôn* là chỉ về cả vũ-trụ.
(6) Có sách chép : *Lưu-lạc.*

PHỤ LỤC

Hà-tiên thập cảnh tổng-luận

*Mười cảnh Hà-tiên rất hữu tình,
Non non nước nước gấm nên xinh.
Đông-hồ, Lộc-trĩ luôn dòng chảy,
Nam-phố, Lư-khé một mạch xanh.
Tiêu-tự, Giang-thành chuông trống ỏi,
Châu-nham, Kim-dự cá chim doanh.
Bình-sơn, Thạch-động là rường-cột,
Sừng sừng muôn năm cũng để dành.*

LÊ QUANG ĐỊNH
CANH-THÌN 1767 — QUÝ-DẬU 1813

Tự Tri-chỉ. Hiệu Tấn-trai.

Nguyên tổ gốc ở Phú-vinh thuộc Thừa-thiên (Trung-Việt)

Cha tên Sách, làm thủ-ngữ tại Đà-bồng-nguyên, mất trong lúc Lê còn nhỏ. Nhà nghèo, Lê theo anh là Hiến vào Gia-dịnh, huyện Bình-dương. Có y-sinh Hoàng đức Thành đem lòng thương, gả con gái cho.

Học-trò Võ Trường Toản. Kết thân với Ngô nhân Tịnh và Trịnh hoài Đức rồi lập « *Bình-dương thi-xã* », nổi danh phong-nhã. Lại viết tốt, vẽ tài.

Được tiến cử với chúa Nguyễn-phúc Ánh, làm hàn-lâm-viện chế cáo, chuyên việc khuyến nông. Sau, sung chức đồng-cung thị-giảng rồi thăng hữu-tham-tri bộ Binh.

Canh-thân 1800, Lê cùng Nguyễn văn Nhân phò đồng-cung Cảnh ở giữ Gia-dịnh.

Nhâm-tuất 1802, lãnh hiệp-trấn Thanh-ba. Rồi thăng thượng-thư bộ Binh, sung chánh-sứ, cùng đi sứ với hai vị phó-sứ Lê chánh, Lộ và Nguyễn gia Kiệt, sang nhà Thanh trần-tình về việc đòi hiệu nước là Nam-việt.

LÊ QUANG ĐỊNH

Vua Thanh sai Quảng-tây án-sát-sứ Tề bổ Sum sang phong và đổi lại là Việt-nam thay vì Nam-việt.

Bình-dần 1806, lãnh sắc làm « *Đại Việt nhất-thống dư địa chi* » gồm 10 quyển, khảo đủ đồ-tịch trong nước, từ kinh-sư vào Nam tới Hà-tiên, ra Bắc tới Lạng-sơn, mỗi mỗi đều biên-chép hết.

Kỷ-tị 1809, đổi làm thượng-thư bộ Hộ kiêm quản Khâm-thiên-giám.

Canh-ngọ 1810, coi sắp-dặt bộ điền-thổ.

Quý-dậu 1813, Lê mất, thọ 54 tuổi. Hòm đưa đám có cả chuyến thuyền đi hộ tống.

Đến mậu-ti 1852, được thờ ở miếu Trung-hưng công-thần.

Ngoài bộ « *Đại Việt nhất-thống dư địa chi* » (chưa in), các văn thơ của Lê đều gom trong một bộ, đem in, nhan là « *Gia-định tam-gia thi* » (gồm có thơ của Ngô nhân Tịnh và Trịnh hoài Đức).

NGÔ NHÂN TỊNH

Ngô tự Nhữ-đơn, nguyên tồ-phụ là người Quảng-dòng sang ta ở đất Gia-định. Đến đời Ngô, cầu học với Võ Trường Toản, rồi cùng ra giúp nước một lượt với hai bạn đồng học là Lê quang Định và Trịnh hoài Đức, lãnh chức Hàn-lâm-viên thị-độc.

Năm mậu-ngọ (1798), Nguyễn văn Thành và Đặng trần Thường bàn-nghị phải sai người sang Trung-quốc để dò tin-tức vua Lê chiêu Thống. Ngô được thăng chức Binh-bộ hữu-tham-tri, đi sứ, lãnh quốc-thư, ngồi thuyền buồm qua tới Quảng-dòng, nghe tin vua Lê đã băng thì trở về liền.

Năm canh-thân (1800), Ngô theo chúa Nguyễn ra cứu thành Qui-nhơn, cùng với Nguyễn kỳ Kế coi về việc binh-lương, rồi được lãnh coi việc chính-trị Phú-yên, thâu tiền và lúa để cung-cấp quân-nhu.

Năm đầu niên-hiệu Gia-long (nhâm-tuất: 1802), Ngô được cử làm giáp phó-sứ, cùng với chánh-sứ là Trịnh hoài Đức và phó-sứ là Hoàng ngọc Uẩn đi sứ nhà Thanh. Sứ-bộ ngồi hai chiếc thuyền « Bạch-yến » và « Huyền-hạc »

từ cửa Thuận-an (Huế) ra đi, đến giữa biển thì bị bão nên tới tháng 7 mới tới Hồ-môn-quan.

Tổng-dốc Lưỡng Quảng dâng sớ tấu, vua Thanh liền truyền bảo sứ-đoàn theo đường Quảng-tây mà lên kinh.

Vừa tới Quảng-tây thì gặp sứ-bộ Lê quang Định phụng chỉ sang cầu phong. Hai phái đoàn cùng ở lại Quốc-tĩnh chờ mạng-lệnh vua Thanh. Đến tháng 4 năm quý-hợi (1803) thuyền sứ mới rời Quảng-tây mà lần lên kinh, vào chầu vua Gia-khánh (Thanh Nhân-tông : 1795-1820). Rồi sang xuân giáp-tí (1804) hai đoàn sứ-bộ mới làm xong nhiệm-vụ mà trở về. Bây giờ, Ngô nhân Tịnh vẫn ngồi chức Binh-bộ hữu-tham-tri như cũ.

Năm Gia-long thứ 6 (đinh-mão 1807), Ngô lại sung chức chánh-sứ cùng với phó-sứ Trần công Đán đem ấn sắc vào Nam, tới thành La-bích mà phong cho Nặc-ông Chân làm vua Chân-lạp.

Năm Gia-long thứ 10 (tân-vị : 1811), Ngô lãnh chức Hiệp-trấn Nghệ-an. Thấy dân-tình thảm khổ, Ngô dâng sớ xin về kinh bệ kiến mà tâu vua rõ. Vua phê-chuẩn lời Ngô xin, Ngô cùng Đốc-học Nghệ-an là Bùi dương Lịch soạn quyển « *Nghệ-an phong-thổ ký* ».

Năm Gia-long thứ 11 (nhâm-thận : 1812), Ngô thăng chức Thượng-thư bộ Công, lãnh chức Hiệp-trấn thành Gia-định, cùng tham-tri bộ Hộ Lê viết Nghĩa phụng mạng đi kiểm-soát tiền lương và văn án các dinh.

Gia-long thứ 12, Ngô cùng Tổng-trấn Lê văn Duyệt đem quân đưa vua Chân-lạp là Nặc-ông Chân về nước. Rồi hội-đồng cùng Tiêm-la (nước, Xiêm tức Thái-lan ngày nay) để bàn việc Chân-lạp. Đến khi Ngô về, có người gièm-pha rằng Ngô ăn của lót. Tuy không có bằng-cớ gì song quan tổng-trấn cũng cứ tâu về triều. Vua Gia-long hình như cũng không bằng lòng, nhưng bỏ qua. Ngô than dài, từ ấy buồn-bã đến thành bệnh. Qua mùa đông thì Ngô

NGÔ NHÂN TỊNH

bệnh nặng mà mất, táng tại xã Chi-hòa (Gia-định). Ngô còn có một trai là Ngô quốc Thoại.

Trịnh hoài Đức nhiều lần xin vua truy tặng cho Ngô, song không được. Mãi đến năm Tự-đức thứ 5 (nhâm-ti, 1852), tên họ Ngô mới được liệt vào miếu Trung-hung công-thần.

Theo tài-liệu của ông Nguyễn Triệu trong bài « Công thần triều Nguyễn : Ngô nhân Tịnh » — tuần báo Tri-Tân số 6 ngày 8-7-41 — thì :

« Hồi năm binh-ti (1936) có tin phá ngôi mà một quan đại-thần đời vua Gia-long tại nơi đất thuộc làng Chi-hòa để làm nhà ga mới, tức là ga « Saigon marchandises. »

« Trước mộ có dựng tấm bia đá chữ nho, hàng chữ giữa như vầy :

« Khâm-sai Công-bộ thượng-thư, hiệp hành Gia-định-thành Tổng-trấn, thụy Túc-gian, Ngô-hầu chi mộ.

« Phía dưới, tay mặt, có con dấu hình thuẫn : « *Xuân đài thọ vức* ».

« Phía dưới, tay trái, có hai con dấu hình vương : « *Phước toàn lộc cơ* »

« Hòm ấy là ngày 1-10-1936, có mặt mấy ông Hội-viên Đông-dương học-hội là các ó. Malleret, Daudin, Kha văn Lân, hội-trưởng Minh-hương Gia-thành ở Chợ-lớn và ông Anh là cháu cụ Ngô.

« Hai chục người đào mấy giờ mới khai lên được ! Áo quan còn kiên-cố lắm phải hơn một giờ mới mở được ván thiên.

« Dở áo quan ra được thấy có tấm triện trải trên quan cữu, bằng nhiều điều, còn mới rành rành dầu rằng tấm triện đã nằm yên nơi đó trên 100 năm. Chữ trên tấm triện còn y nguyên :

« Hoàng-Việt táng trợ công-thần, đặc tiến Kim-tử đại-

NGÔ NHÂN TỊNH

phu, Chính-trị Vinh-lộc thượng khanh khâm-sai Công-bộ
thượng-thư, hiệp hành Gia-định-thành tổng-trấn sự. Tịnh-
viên-hầu, thụ Túc-gian Ngô-phủ quân chi cũu.

Hiếu-tôn Ngô tế Thế, Ngô nhân Thọ.

Nghĩa :

« Linh-cửu của ông quan họ Ngô là một vị công-thần
giúp-đỡ Việt-nam được phong tới chức Kim-tử đại-phu.
Chính-trị Vinh-lộc thượng khanh Khâm-sai Công - bộ
thượng-thư hiệp tổng-trấn thành Gia-định, tước Tịnh-viên-
hầu, thụ Túc-gian. »

== H ẾT ==

M U C - L U C

	<i>Trang</i>
I. VÕ TRƯỜNG TOẢN	5 — 14
Hoài cổ phú.. .. .	15 — 18
PHẦN PHỤ « GIA-ĐÌNH TAM GIA »	
I. TRỊNH HOÀI ĐỨC	21 — 48
<i>Phụ lục</i>	
Đi sứ cảm-lác	49 — 57
Hà-tiên thập cảnh	58 — 63
II. LÊ QUANG ĐỊNH	64 — 65
III. NGÔ NHÂN TỊNH	66 — 69
MỤC LỤC	70

CÁC NGÀI HIỆU-TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG
CÁC NGÀI PHỤ - HUYNH HỌC - SINH

nên khuyến - khích
các con em đọc các
thứ sách trong

TỦ SÁCH « NHỮNG MẢNH GƯƠNG — TÂN VIỆT »

ĐÃ CÓ BÁN

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| 1. — Nguyễn Thái Học | giá 40đ |
| 2. — Phan Chu Trinh | giá 42đ |
| 3. — Phan Văn Trị | giá 20đ |
| 4. — Huỳnh Mẫn Đạt | giá 18đ |
| 5. — Phan Bội Châu | giá 52đ |
| 6. — Nguyễn Đình Chiểu | giá 48đ |
| 7. — Phan Đình Phùng | giá 67đ |
| 8. — Lương Ngọc Quyến | giá 25đ |
| 9. — Trên giòng sông Vị | |
| (Trần Tế Xương) | giá 25đ |
| 10. — Hàn Mạc Tử | giá 50đ |
| 11. — Tôn Thọ Tường | giá 28đ |
| 12. — Phan Thanh Giản | giá 25đ |
| 13. — Võ Trường Toản | giá 20đ |
| 14. — Nguyễn Khuyến | } (đang in) |
| 15. — Nguyễn Trường Tộ | |

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT

235, Phan Thanh Giản — Saigon

VÕ TRƯỜNG TOẢN
của Nam Xuân Thọ do
nhà TÂN VIỆT xuất-bản
và giữ bản quyền — in
lần thứ nhất xong ngày
25-8-1957 giấy phép xuất-
bản số 1547 T. X. B. của
nhà T.T. Nam-phần V.N.

Bạn đọc hãy đón
ngay từ bây giờ

4 văn-phẩm giá-trị của nhà
học-giả quá cổ

PHAN VĂN HÙM

1. — NÔI LÒNG ĐỒ CHIÊU
2. — PHẬT-GIÁO TRIẾT-HỌC
3. — VƯƠNG DƯƠNG-MINH
4. — LUẬN TÙNG

Bốn quyển sách trên đây đều
do nhà TÂN VIỆT xuất - bản
và giữ bản quyền

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT

235, PHAN THANH GIẢN — SAIGON

Giấy phép xuất - bản
Số 1416/T.X.B.
2-9-57
Bộ T. T. Nam-phần
Việt-nam

VÕ TRƯỜNG TOÀN

Giá { Nam Việt..... 25 \$ 00
 { Ngoài N. V.... 25 \$ 00